SÁCH GIÁO KHOA VIỆT NGỮ

TIẾNG VIỆT

thực hành

Lớp 1

SÁCH GIÁO KHOA VIỆT NGỮ

TIẾNG VIỆT

thực hành

Lớp 1

Họ và Tên Học Sinh _____ Phòng _____

Họ và Tên Thầy/Cô _____

Điện thoại _____ Email _____

TRƯỜNG ĐỨC MẸ LA VANG

GIÁO XỨ CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM – ARLINGTON – TEXAS

http://www.truongducmelavang.org

NỘI QUY HỌC SINH

A. Học sinh có trách nhiệm:

1. Đi học đúng giờ.
2. Mang cặp, sách, bút chì, vở, và thẻ học sinh.
3. Quần áo phải gọn gàng và mang giầy không hở ngón chân.
4. Giữ gìn sách vở cẩn thận.
5. Xin phép trước khi nghỉ học.

B. Học sinh không được:

1. Ra khỏi lớp nếu không có phép của Thầy Cô.
2. Xả rác, vẽ/viết lên bàn ghế, vách tường.
3. Ăn uống hoặc nhai kẹo cao su trong lớp, ngoại trừ thầy cô cho phép.
4. Đánh nhau, nói lớn tiếng, chửi tục, v.v…
5. Dùng điện thoại cầm tay trong lớp, hoặc mang đồ chơi đến trường.
6. Hút thuốc, mang lửa, súng, và những vật có thể làm hại người khác.

C. Lưu ý:

1. Học sinh chưa có mặt trong lớp sau tiếng chuông vào lớp thứ hai sẽ kể là trễ.
2. Ba (3) lần trễ học sẽ bị tính là vắng mặt một (1) lần. Nếu vắng mặt quá 5 lần trong toàn niên học, hoặc điểm trung bình toàn niên dưới 70%, trừ trường hợp ngoại lệ đã được sự đồng ý của thầy/cô đứng lớp và sự chấp thuận của ban Giám Hiệu, các em sẽ không được lên lớp.

D. Trường Đức Mẹ La Vang rất mong quý phụ huynh tiếp tay bằng cách:

1. Đưa đón con em đúng giờ. Nhà trường sẽ không chịu trách nhiệm con em của quý vị sau giờ tan học theo như Thời Khóa Biểu.
2. Kiểm soát, giúp các em ôn và làm bài tập ở nhà rồi ký nhận.
3. Theo dõi và khuyên răn các em giữ đúng những điều phải làm và tránh vi phạm những điều bị cấm.

Ban Giám Hiệu
Trường Đức Mẹ La Vang

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục	1
Lời mở đầu	3
Vài hướng dẫn tổng quát	4 - 6
Bài học 1: chữ A – Số 1	7 - 10
Bài học 2: chữ B – Số 2	11 - 14
Bài học 3: chữ C – Số 3	15 - 18
Bài học 4: chữ D – Số 4	19 - 22
Bài học 5: chữ Đ – Số 5	23 - 26
Bài học 6: chữ E, Ê	27 - 31
Bài học 7: chữ G, H – Số 6	32 - 37
Bài học 8: dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng – Số 7	38 - 42
Bài học 9: chữ I, K – Số 8	43 - 48
Bài học 10: chữ L, M – Số 9	49 - 54
Bài học 11: chữ N, O – Số 10	55 - 60
Bài học 12: chữ Ô, Ơ – Số 11	61 - 66
Bài học 13: chữ U, Ư – Số 12	67 - 71
Bài học 14: chữ R, S	72 - 78
Bài học 15: chữ T, V	79 - 85
Bài học 16: chữ P, PH, Q, QU	86 - 93
Bài học 17: chữ Ă, Â	94 - 97
Bài học 18: chữ X, Y	98 - 103

Quốc Kỳ Việt Nam

(Vietnam National Flag)

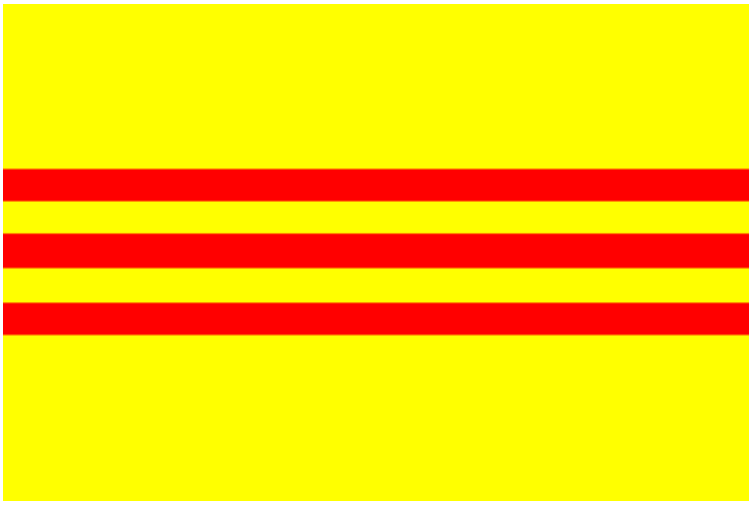

Quốc ca Việt Nam

(Vietnam National Anthem)

Này công dân ơi! Đứng lên đáp lời sông núi!
Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân sống.
Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên,
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.
Dù cho thây phơi trên gươm giáo,
Thù nước lấy máu đào đem báo.
Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy,
Người công dân luôn vững bền tâm trí,
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi,
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời.
Công dân ơi! Mau hiến thân dưới cờ,
Công dân ơi! Mau làm cho cõi bờ,
Thoát cơn tàn phá, vẻ vang nòi giống,
Xứng danh nghìn năm dòng giống Lạc Hồng.

Lời Mở Đầu

Bảo tồn tiếng Việt luôn luôn là mối ưu tư cho cộng đồng người Việt hải ngoại. Bảo tồn tiếng Việt không chỉ là bảo tồn một thứ ngôn ngữ mà là bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Đặt căn bản trên tinh thần đó, ban biên soạn xin giới thiệu với quý thầy cô dạy Việt ngữ khắp nơi và quý vị phụ huynh một bộ sách Việt ngữ, để mong đóng góp phần nào vào công việc dạy ngôn ngữ và các giá trị của văn hóa Việt Nam cho con em chúng ta ở hải ngoại.

Bộ sách được viết dựa trên các nguyên tắc tổng quát như sau:

1. Dành cho các em học sinh sinh trưởng trong gia đình Việt Nam ở hải ngoại với tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai.

2. Những bài học mang nội dung giới thiệu văn hóa Việt Nam, kiến thức tổng quát thích ứng với sự suy nghĩ và sinh hoạt của các em hải ngoại và xây dựng một nguồn ngữ vựng phong phú giúp cho các em tiến triển hơn trong việc nói và viết tiếng Việt.

3. Tiến trình dạy học của bộ sách đi từ dễ tới khó. Phương pháp áp dụng là lặp đi lặp lại nhiều lần. Khi hoàn tất chương trình học, học sinh có thể đọc sách, báo, và viết được một bài văn trung bình.

4. Các bài tập đọc dựa trên những chủ đề về lịch sử, đạo đức, quê hương và kiến thức tổng quát.

Mục đích chính của chúng tôi khi soạn bộ sách này là để góp phần vào công việc dạy Việt ngữ ở hải ngoại. Vì vậy, ban biên soạn không giữ lại bản quyền mà chỉ mong bộ sách được nhiều trường học dùng. Nếu bộ sách có những sai sót thì xin thứ lỗi và cho chúng tôi biết để sửa chữa.

Trân trọng,

Ban biên soạn
Trần Văn Minh
Đinh Ngọc Thu
Orange County, California – tháng 9, 2012
Mọi thắc mắc hay ý kiến xin gửi về điện thư: tranvminh77@gmail.com

Hướng dẫn phát âm và đánh vần

Mỗi mẫu tự tiếng Việt gồm có tên để đánh vần và âm để đọc:

1. Tên (name): a, bê, xê, dê, đê…
2. Âm (sound), (syllable): a, bờ, cờ, dờ, đờ…

Ngay từ bước đầu, thầy cô giáo cần dạy các em phân biệt rõ:
Cách đánh vần (spell) và **cách phát âm** (pronounce)
Đánh vần đúng sẽ viết chính tả đúng, phát âm đúng sẽ đọc đúng.
Dạy phát âm và đánh vần là bước quan trọng nhất trong việc dạy tiếng Việt. Hai phần này phải được dạy song song với nhau và không nên bỏ sót phần nào.

Mẫu tự tiếng việt	**Đánh vần để viết chính tả** *(spell to write)*	**Phát âm để tập đọc** *(Pronounce to read)*
17 PHỤ ÂM ĐƠN	**Đánh vần và phát âm khác nhau**	
B	**bê**	**bờ**
C	**xê**	**cờ**
D	**dê**	**dờ**
Đ	**đê**	**đờ**
G	**giê**	**gờ**
H	**hát**	**hờ**
K	**ka**	**cờ**
L	**e-lờ**	**lờ**
M	**em-mờ**	**mờ**
N	**en-nờ**	**nờ**
P	**pê**	**pờ**
Q	**quy**	**quờ**
R	**e-rờ**	**rờ**
S	**ét-sờ**	**sờ**
T	**tê**	**tờ**
V	**vê**	**vờ**
X	**ít-xì**	**xờ**
12 NGUYÊN ÂM	**Đánh vần và phát âm giống nhau**	
A	**a**	**a**
Ă	**á**	**á**
Â	**ớ**	**ớ**

E	**e**	**e**
Ê	**ê**	**ê**
I	**i**	**i**
O	**o**	**o**
Ô	**ô**	**ô**
Ơ	**ơ**	**ơ**
U	**u**	**u**
Ư	**ư**	**ư**
Y	**i dài**	**i**
11 PHỤ ÂM GHÉP	**Đánh vần để viết chính tả** (spell to write)	**Phát âm để tập đọc** (Pronounce to read)
Ch	**xê hát**	**chờ**
Gi	**giê-i**	**giờ**
Kh	**ka-hát**	**khờ**
Ng	**en-giê**	**ngờ**
Ngh	**en-giê-hát**	**ngờ**
Gh	**giê-hát**	**gờ**
Nh	**en-hát**	**nhờ**
Ph	**pê-hát**	**phờ**
Qu	**quy-u**	**quờ**
Th	**tê-hát**	**thờ**
Tr	**tê-e-rờ**	**trờ**
TỪ	**Đánh vần để viết chính tả** (spell to write)	**Ráp vần**
Ba	bê-a **ba**	bờ-a **ba**
Mẹ	em-mờ-e-me nặng **mẹ**	mờ-e-me nặng **mẹ**
Chị	xê-hát-i-chi nặng **chị**	chờ-i-chi nặng **chị**
Thầy	tê-hát-ớ-i-thây huyền **thầy**	ớ-i-ây, thờ-ây-thây-huyền **thầy**
Khỏe	ka-hát-o-e khoe hỏi **khỏe**	o-e-oe, khờ-oe-khoe hỏi **khỏe**
Việt	vê-i-ê-tê-viết nặng **việt**	i-ê-tờ-iêt, vờ-iết-viết nặng **việt**
Ngoan	en-giê-o-a-en-oan, **ngoan**	o-a-nờ-oan, ngờ-oan **ngoan**
Ngoèo	en-giê-o-e-o-eo huyền **ngoèo**	o-e-o-oeo, ngờ-oeo-ngoeo huyền **ngoèo**
Khuy	ka-hát-u-i--uy **khuy**	u-i…uy, khờ-uy **khuy**
Khuynh	ka-hát-u-i-en-hát-uynh **khuynh**	u-i…nhờ uynh, khờ-uynh **khuynh**
Khuyên	ka-hát-u-i-ê-en-uyên **khuyên**	u-i…ê-nờ-uyên, khờ-uyên **khuyên**

Giỏ	Giê-i-o hỏi **giỏ**	giờ-o gio hỏi **giỏ**
Giảng	Giê-i-a-en-giê-giang hỏi **giảng**	a-ngờ-ang , giờ-ang giang hỏi **giảng**
Gìn	Giê-i-en-gin huyền **gìn**	giờ-in-gin huyền **gìn**
Quả	quy-u-a hỏi **quả**	quờ-a-qua hỏi **quả**
Quấn	quy-u-ớ-en-quân sắc **quấn**	ớ-nờ-ân, quờ-ân-quân sắc **quấn**

Những vần cần ghi nhớ:

Vần **NG phải thêm chữ H** khi được ghép với:

- Ba nguyên âm đơn: **e**, **ê**, **i** (nghe, nghề, nghĩ…)
- Năm nguyên âm ghép: **eo, êu, ia, iêu, iu** (nghèo, nghêu, nghĩa, nghiêu, nghiu)
- Năm chữ: **iêm, iên, iêng, ênh, inh** (nghiêm, nghiên, nghiêng, nghênh, nghinh)

Chữ **G** khi ghép với ba nguyên âm đơn: **e, ê, i** phải thêm chữ **h** (ghe, ghê, ghế, ghi…)
Chữ **Q** không đứng riêng một mình mà luôn được ghép với **u** = qu (quê, qua, quen…)
Chữ **P** không đứng riêng một mình mà luôn được ghép với **h** = ph (phở, phương, phi…)

Bài học 1

A a

A. Tập viết

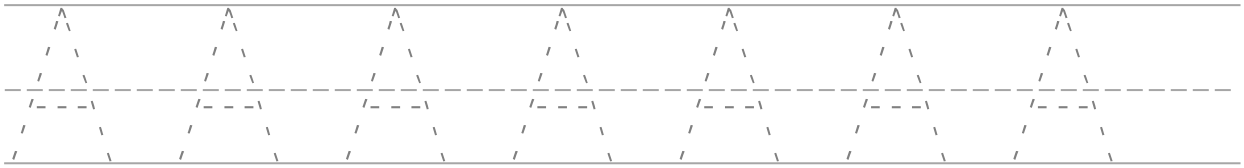

B. Tô màu lên chữ A và a

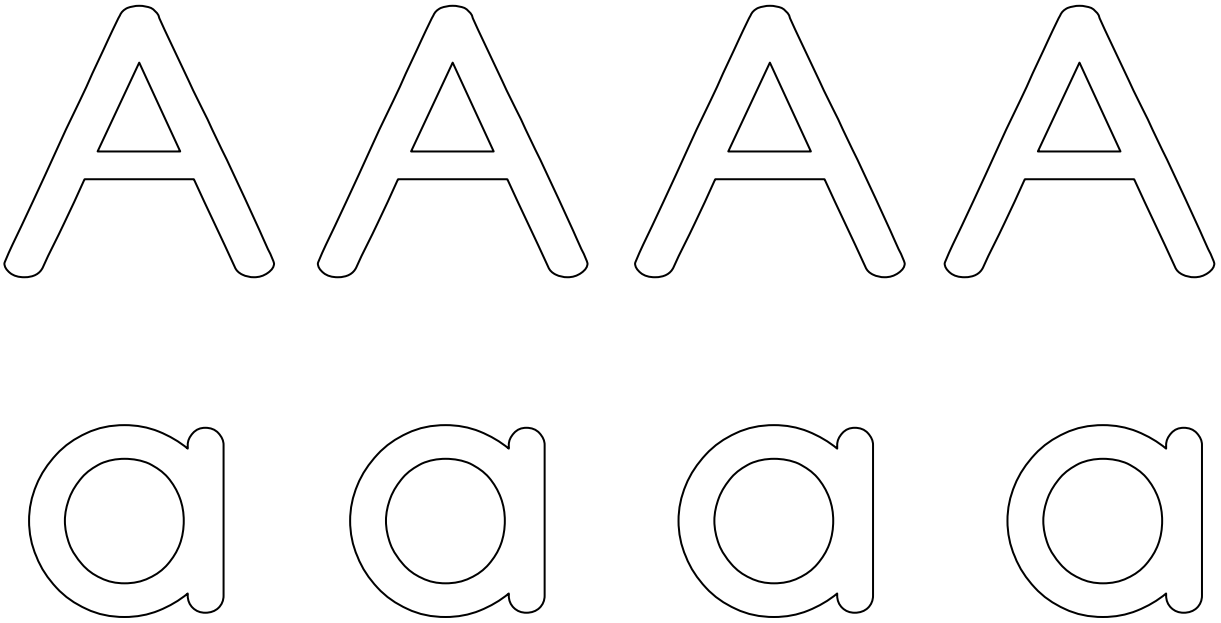

C. Đồ lên chữ A và a

Anh

An

Ba

Hai

Cha

Ca

La bao

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

ma

ba

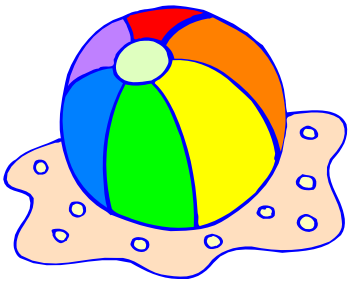

banh

la

ca

anh

Đ. Tập viết số 1

số một

E. Tô màu lên số 1

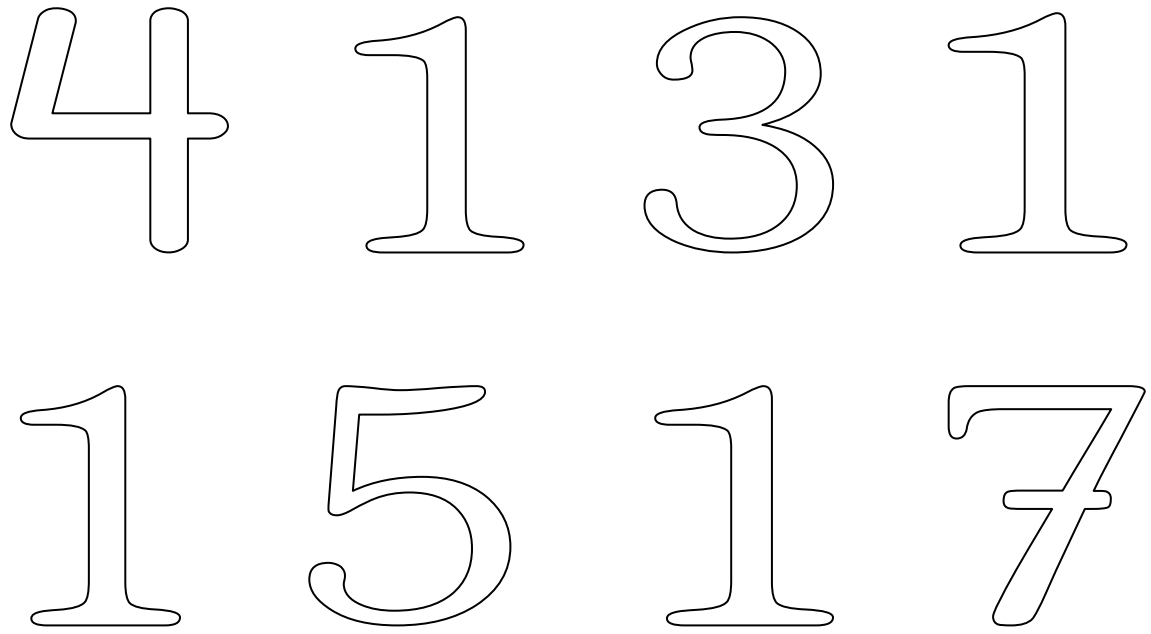

Bài học 2

B b

A. Tập viết

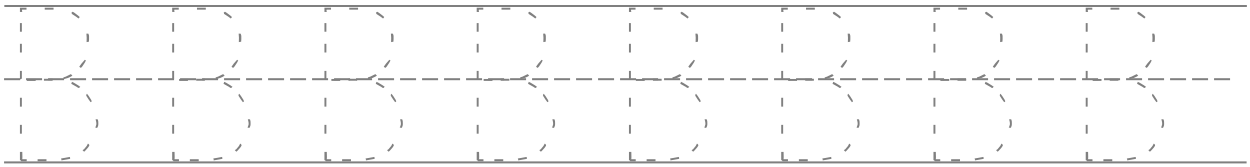

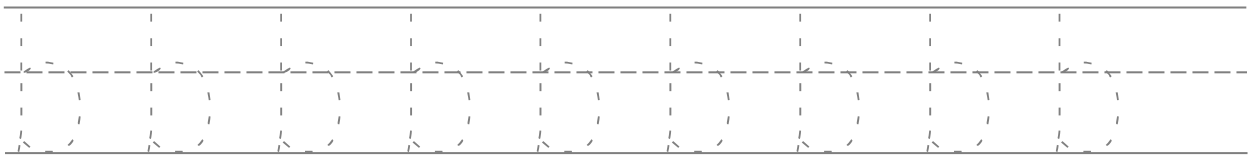

B. Tô màu lên chữ B và b

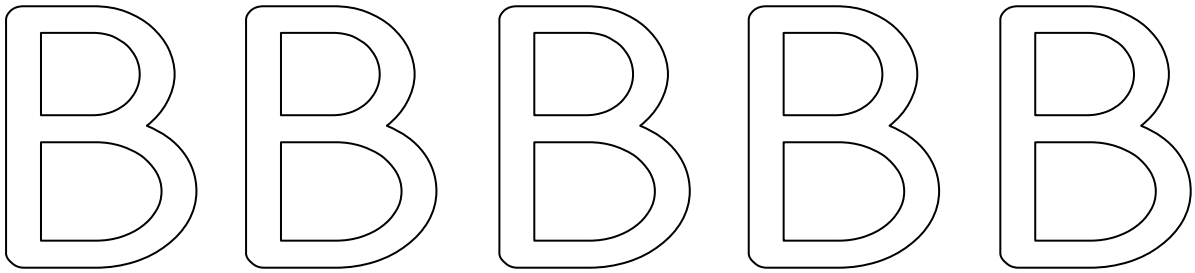

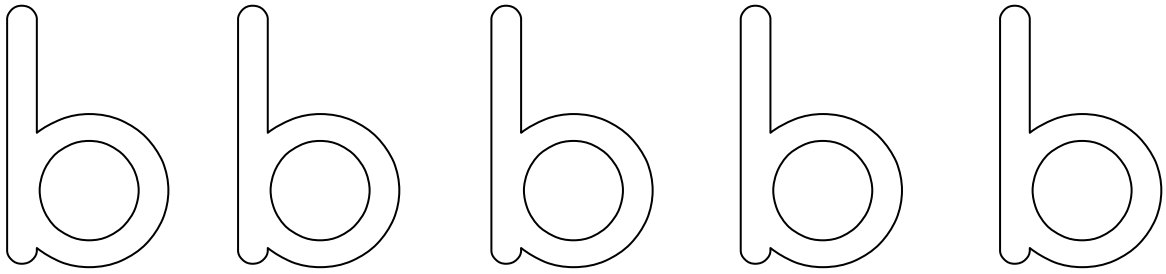

C. Đồ lên chữ B và b

Bà

Bánh

Bác

bạn

Bò

bé

bố bi

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

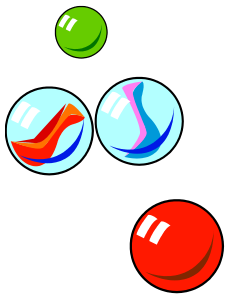

bi

bánh

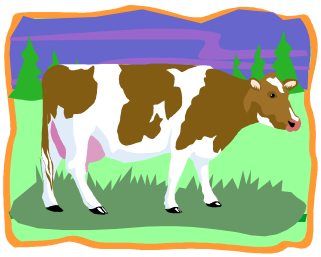

bò

bạn

bé

bà

Đ. Tập viết số 2

số hai

E. Tô màu lên số 2

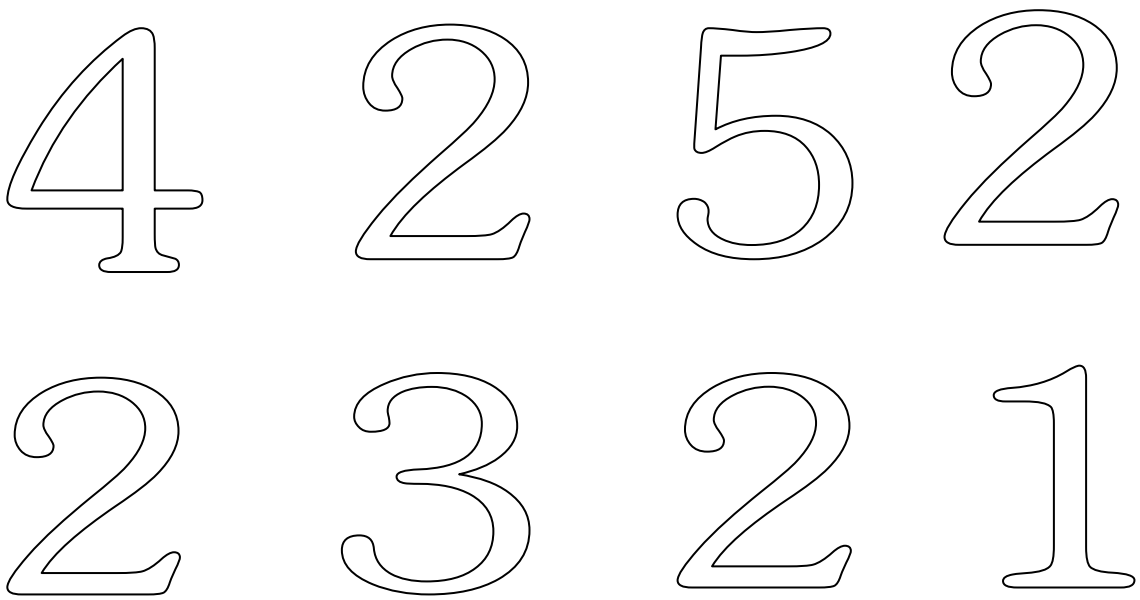

Bài học 3

C c

A. Tập viết

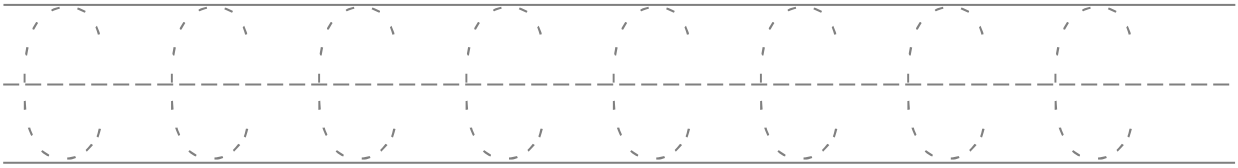

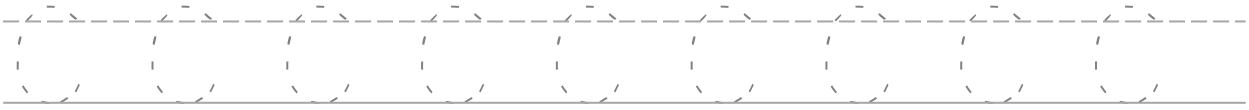

B. Tô màu lên chữ C và c

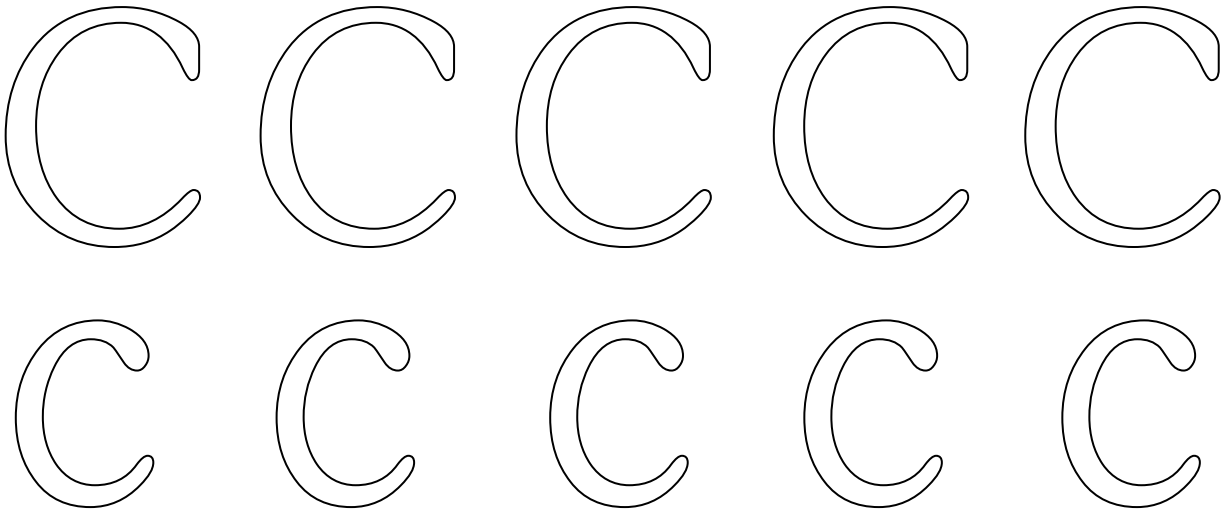

C. Đồ lên chữ C

Cá

Cờ

Cua

Cỏ

Cô

Cụ

Cú

Cổ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

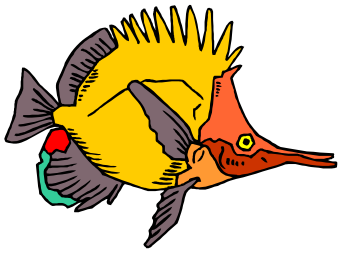

cá

cua

cô

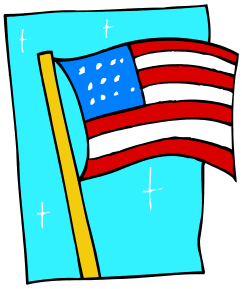

cờ

cụ

cú

Đ. Tập viết số 3

số ba

E. Tô màu lên số 3

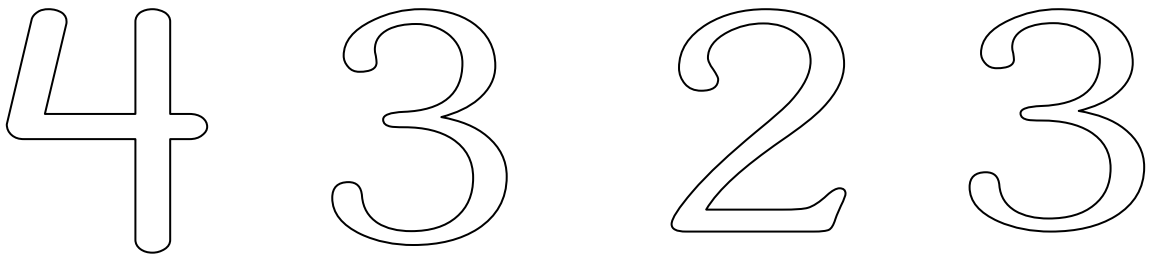

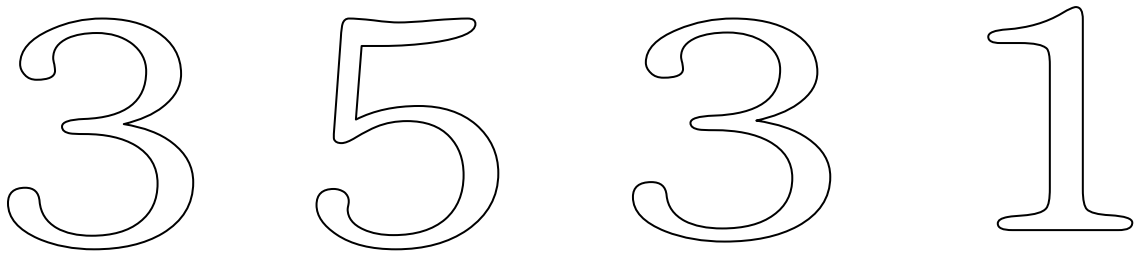

Bài học 4

D d

A. Tập viết

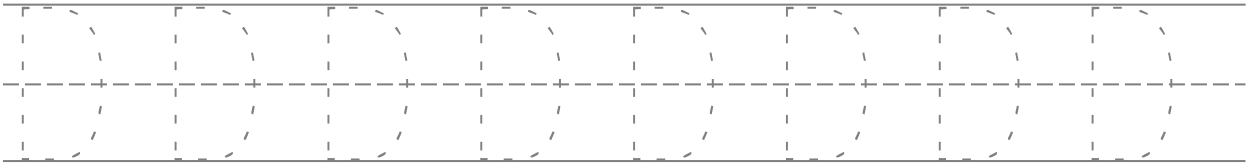

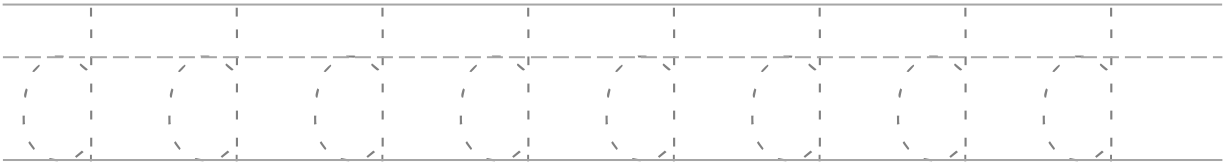

B. Tô màu lên chữ D và d

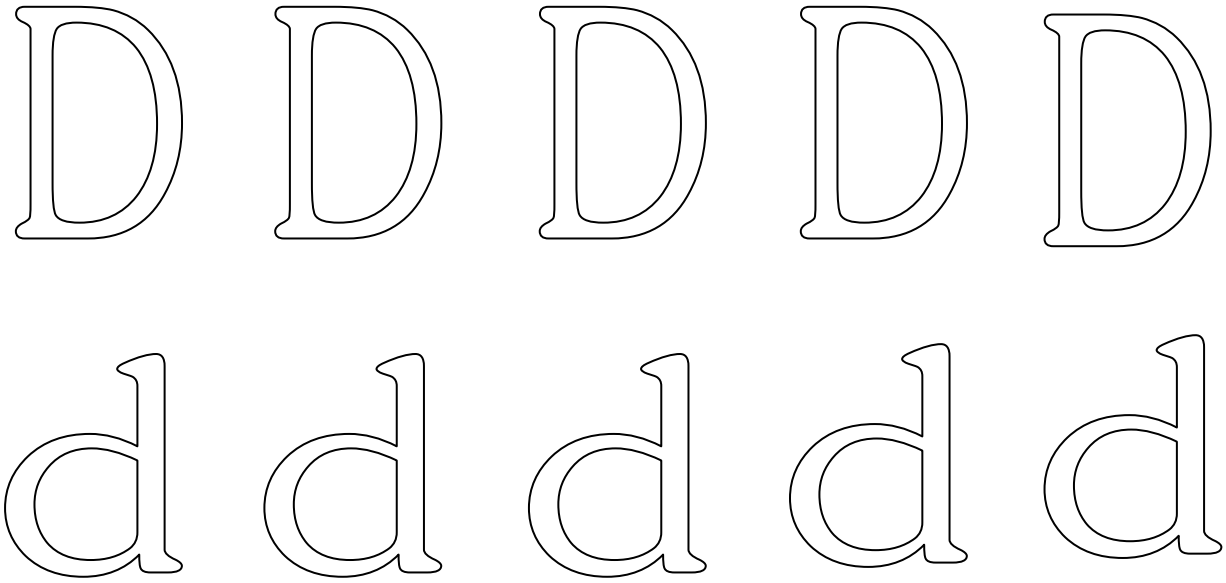

C. Đồ lên chữ D và d

Dế

dép

Dê

dù

Dâu

dao

Dưa

dây

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

dù

dao

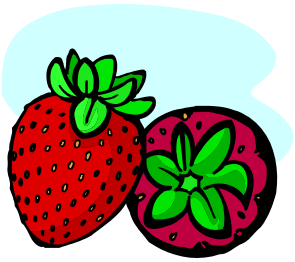

dâu

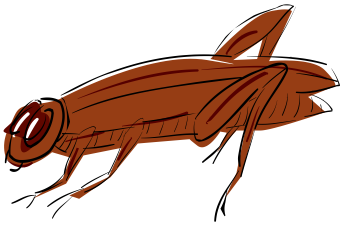

dế

dê

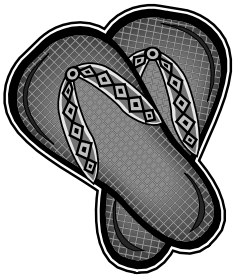

dép

Đ. Tập viết số 4

số bốn

E. Tô màu lên số 4

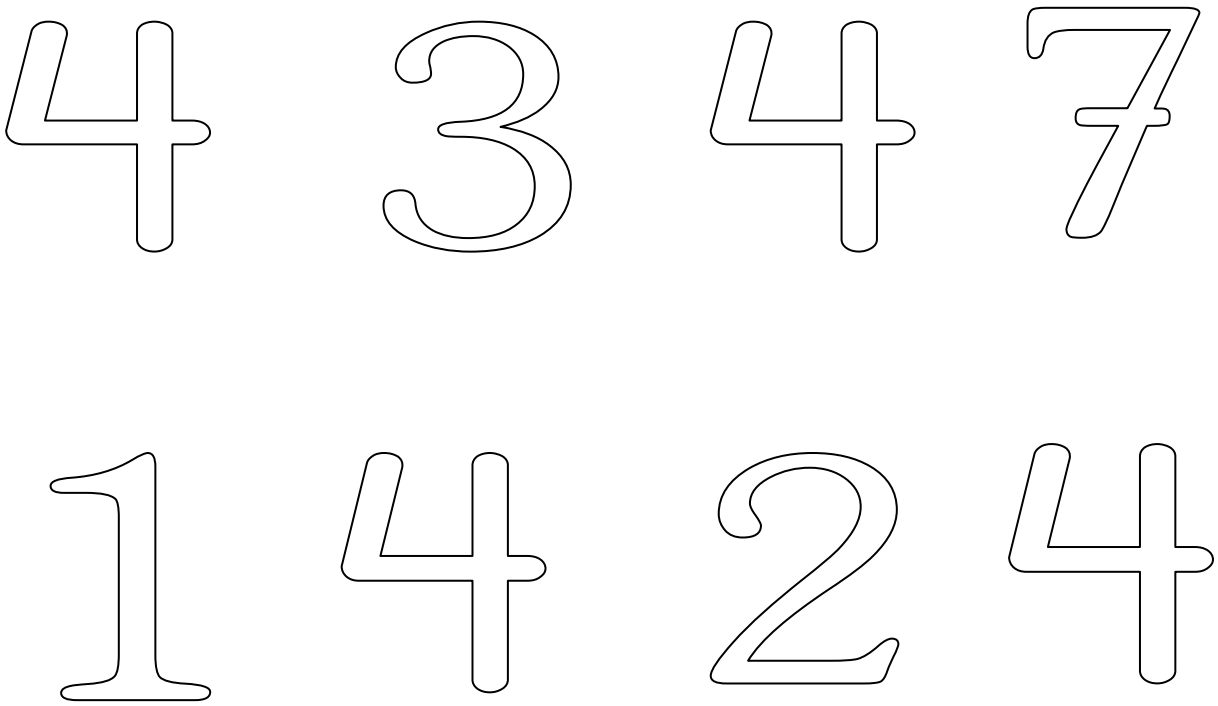

Bài học 5

Đ đ

A. Tập viết

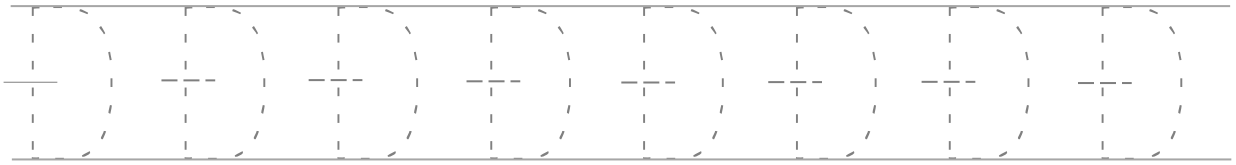

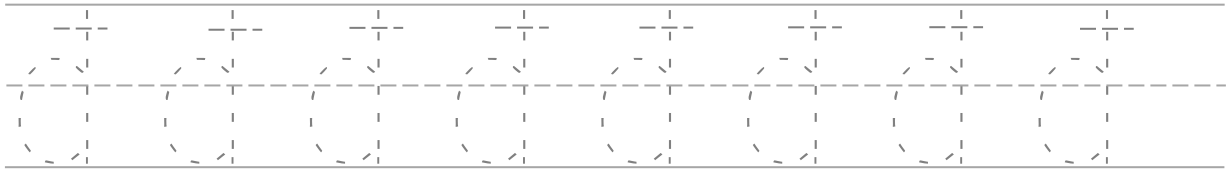

B. Tô màu lên chữ Đ và đ

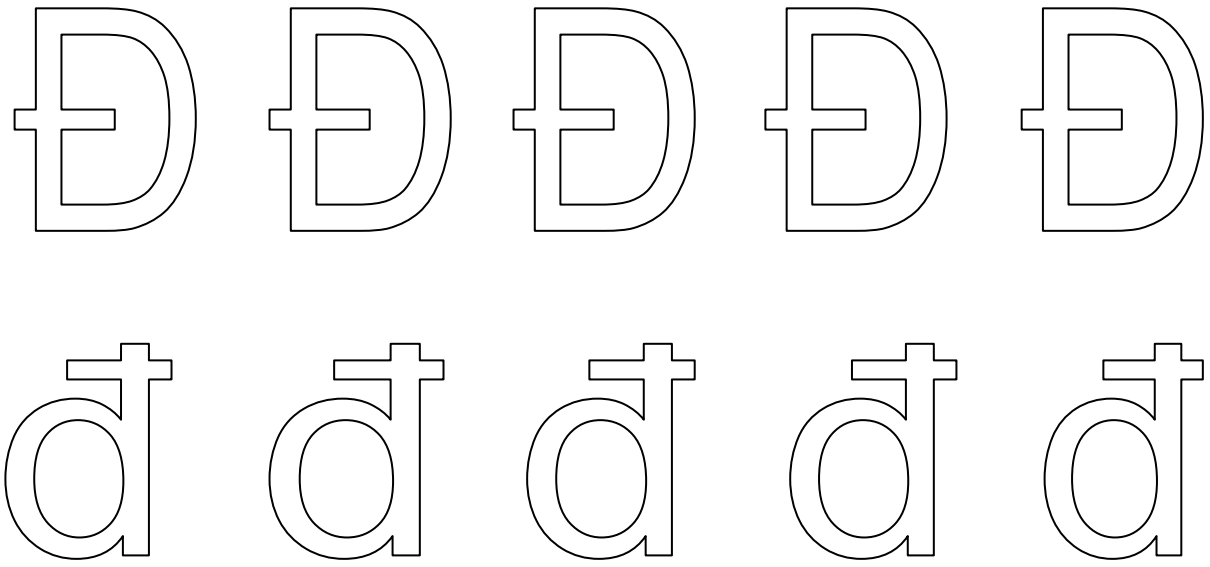

C. Đồ lên chữ Đ và đ

Đinh

Đá

Đi

Đàn

đào

đầu

đèn

đỏ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

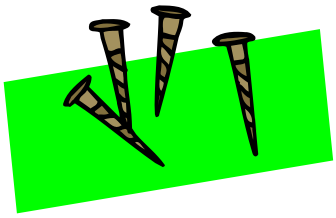

đinh

đá

đi

đàn

đào

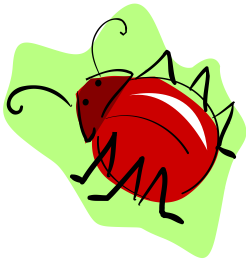

đỏ

Đ. Tập viết số 5

số năm

E. Tô màu lên số 5

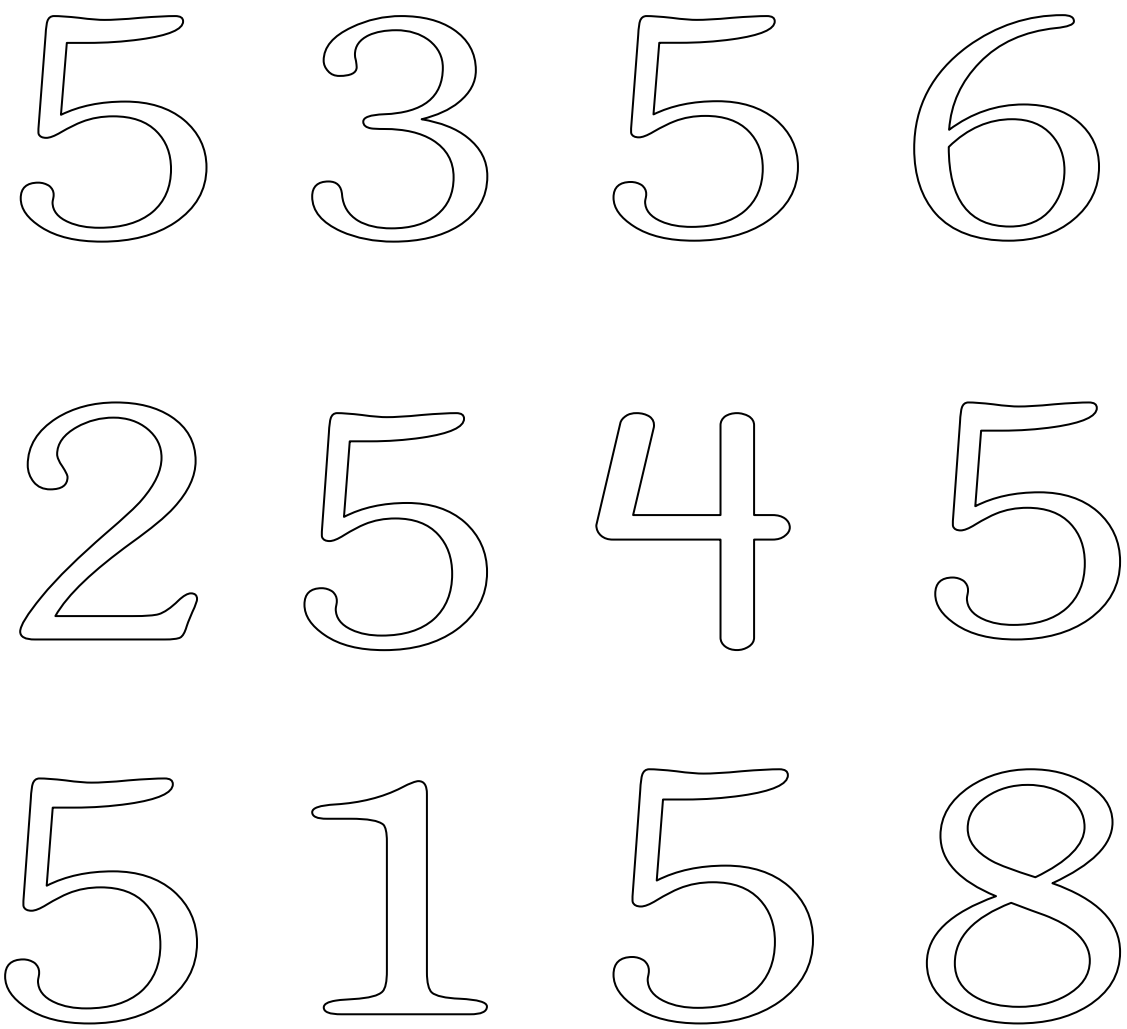

Bài học 6

E e Ê ê

A. Tập viết

B. Tô màu lên chữ E và e

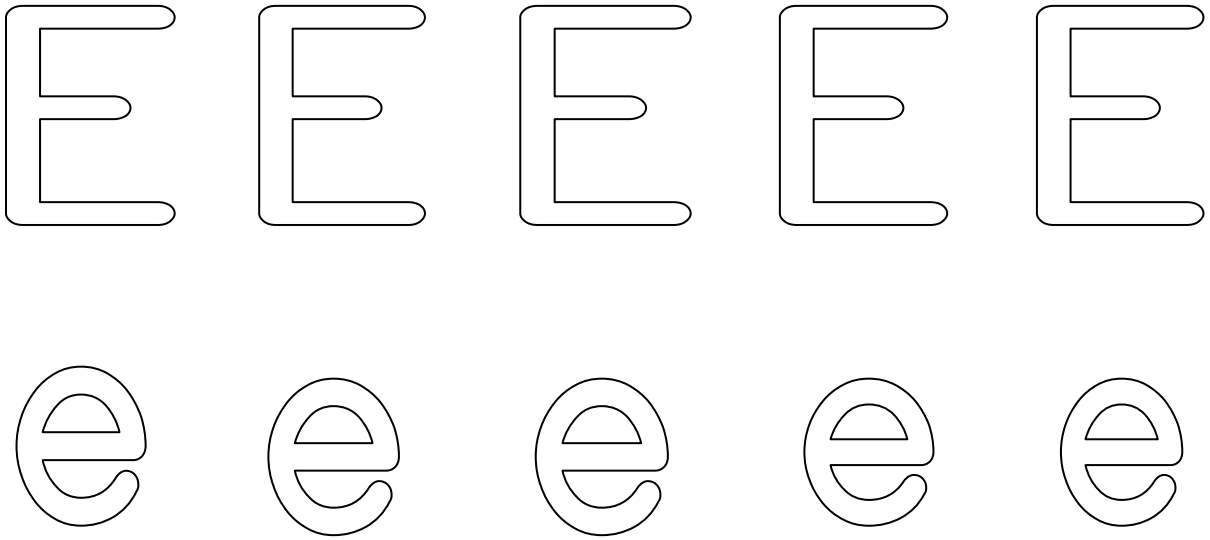

C. Đồ lên chữ E và e

Em

Heo

Xe

Tem

Ve

Kem

Kéo

Mèo

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

kéo

xe

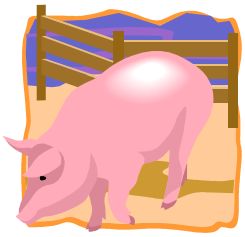

heo

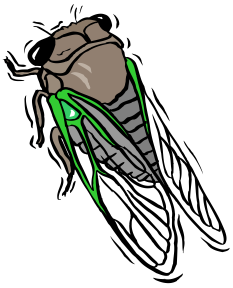

ve

kem

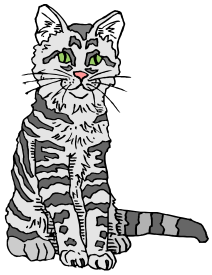

mèo

ê ê ê

Đ. Tập viết

Ê Ê Ê Ê Ê Ê Ê Ê

ê ê ê ê ê ê ê ê ê

E. Tô màu lên chữ Ê và ê

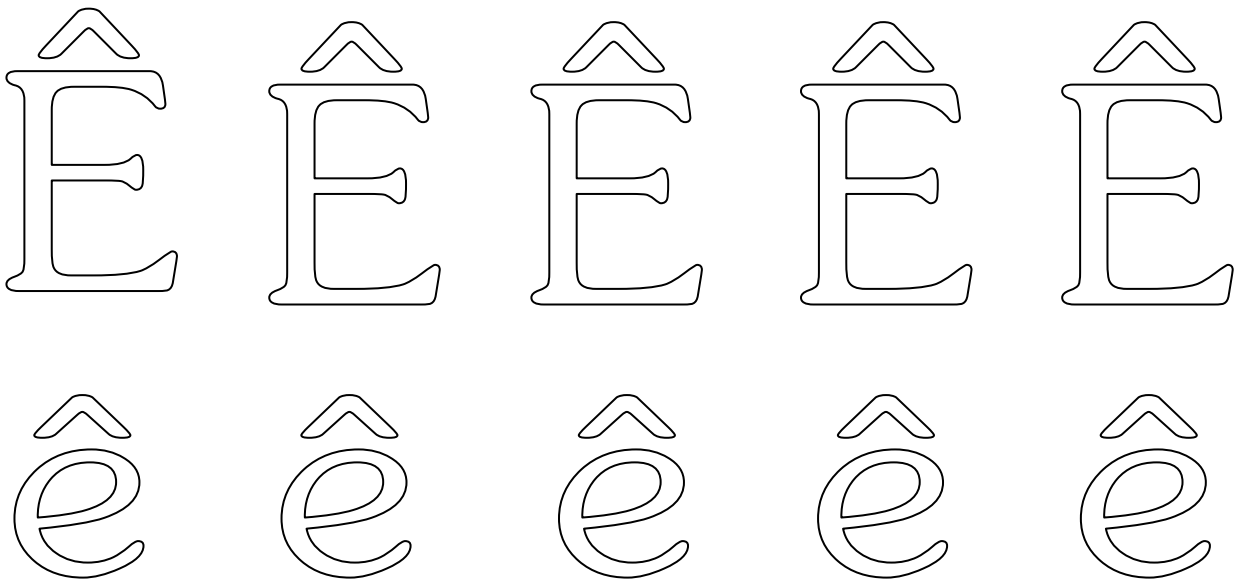

G. Đồ lên chữ Ê và ê

Lê

Mền

Ếch

Tết

Sên

Kệ

Tên

Hề

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

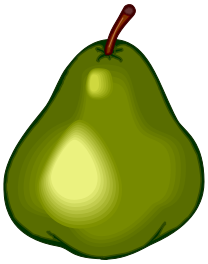

lê

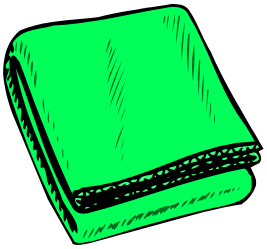

mền

ếch

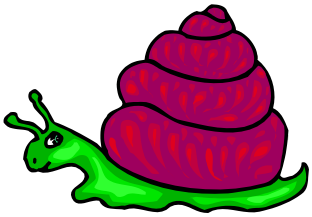

sên

tên

hề

Bài học 7

G g H h

A. Tập viết

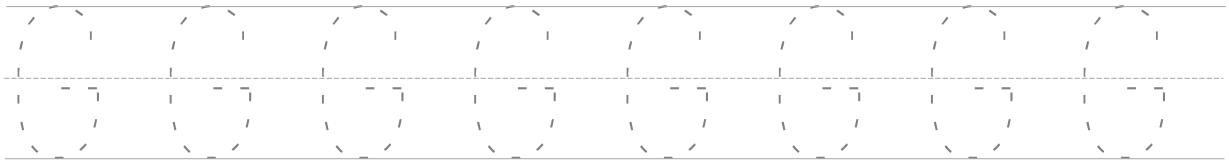

B. Tô màu lên chữ G và g

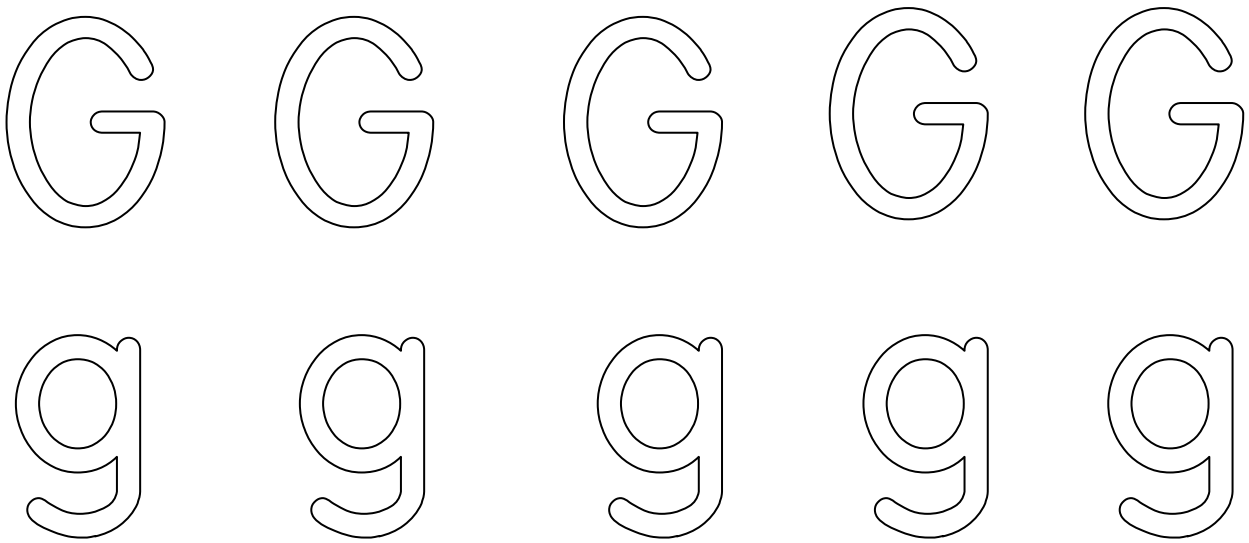

C. Đồ lên chữ G và g

Ghế

Gà

Giun

Ghe

Giờ

Ngủ

Gỗ

Ngựa

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

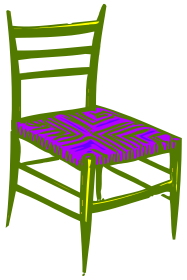

ghế

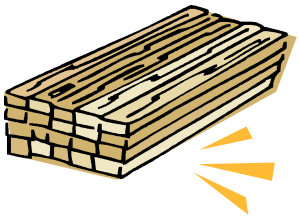

gỗ

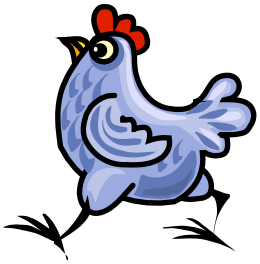

gà

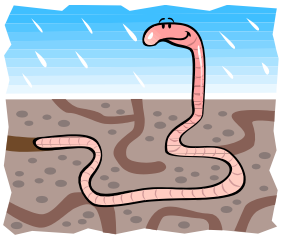

giun

ghe

ngủ

Đ. Tập viết

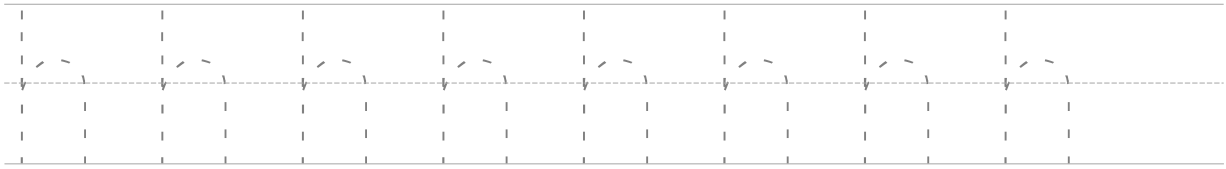

E. Tô màu lên chữ H và h

H H H H H

h h h h h

G. Đồ lên chữ H và h

Hổ	Nhà
Hồ	Chó
Hoa	Chanh
Hình	Chị

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

hổ

hồ

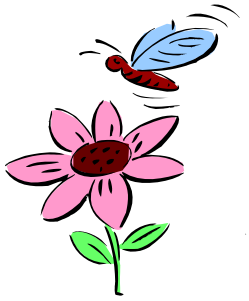

hoa

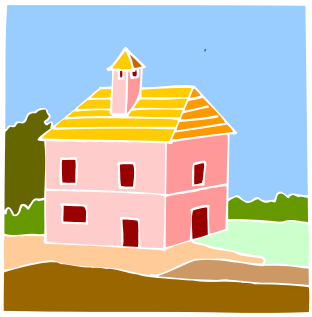

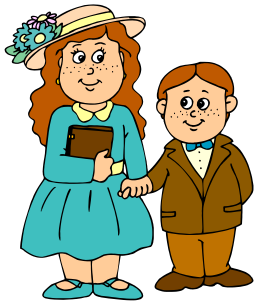

nhà chó chị

I. Tập viết số 6

số sáu

6 6 6 6 6 6 6

K. Tô màu lên số 6

6 6 6 6

Bài học 8

Á À

Ả Ã Ạ

A. Tập viết

Á

À

Ả

Ẽ

Ẹ

ề

ề

ể

ễ

ệ

ề

ễ

ể

ệ

ề

B. Tô màu lên những chữ sau

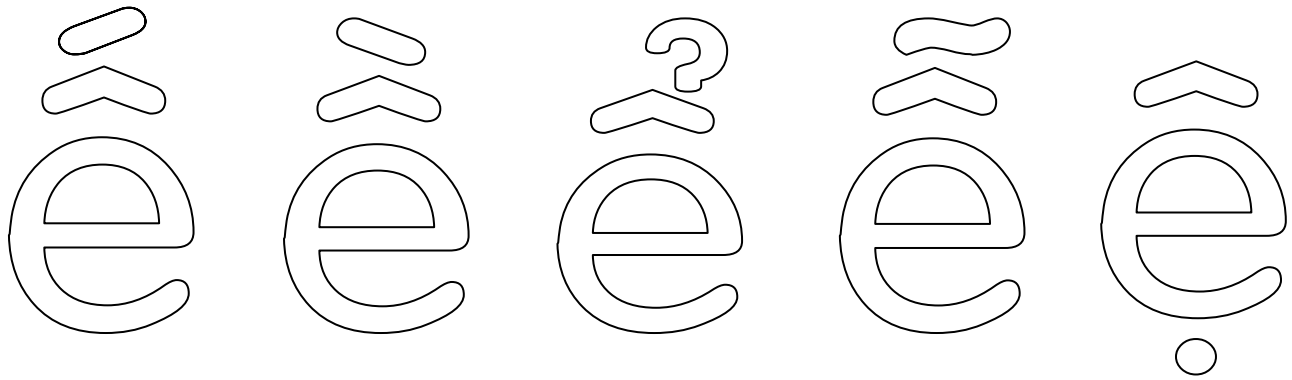

á à ả ã ạ

C. Đọc tên và tô màu những hình sau đây:

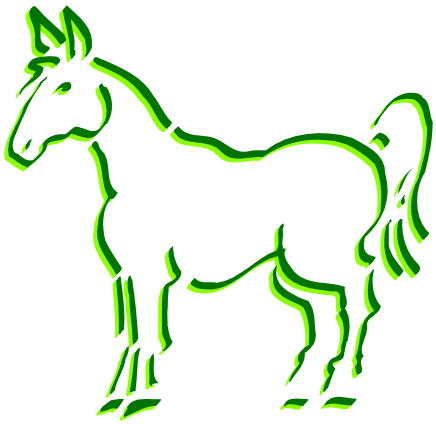

ngựa

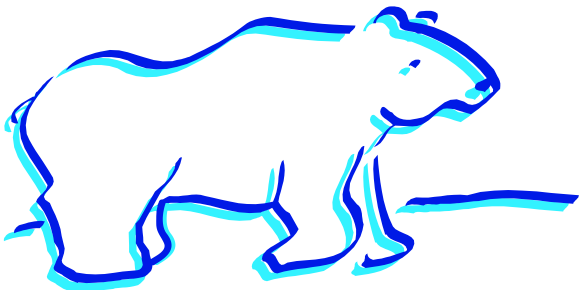

gấu

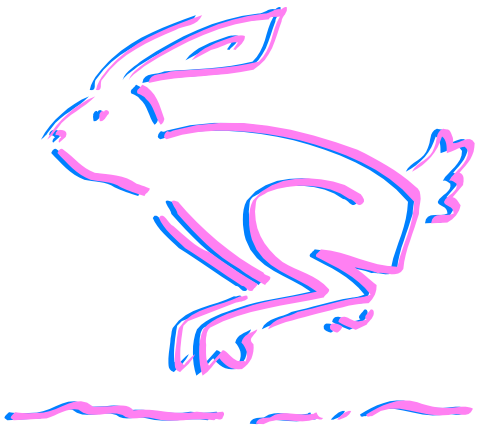

thỏ

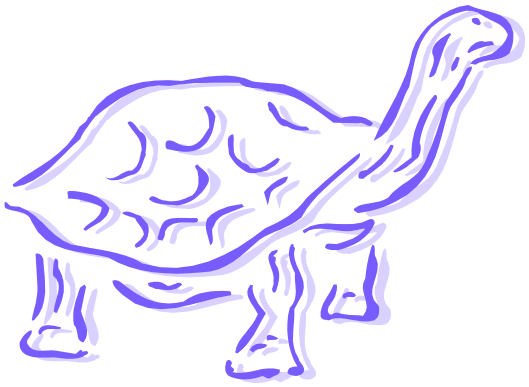

rùa

D. Tập viết số 7

số bảy

Đ. Tô màu lên số 7

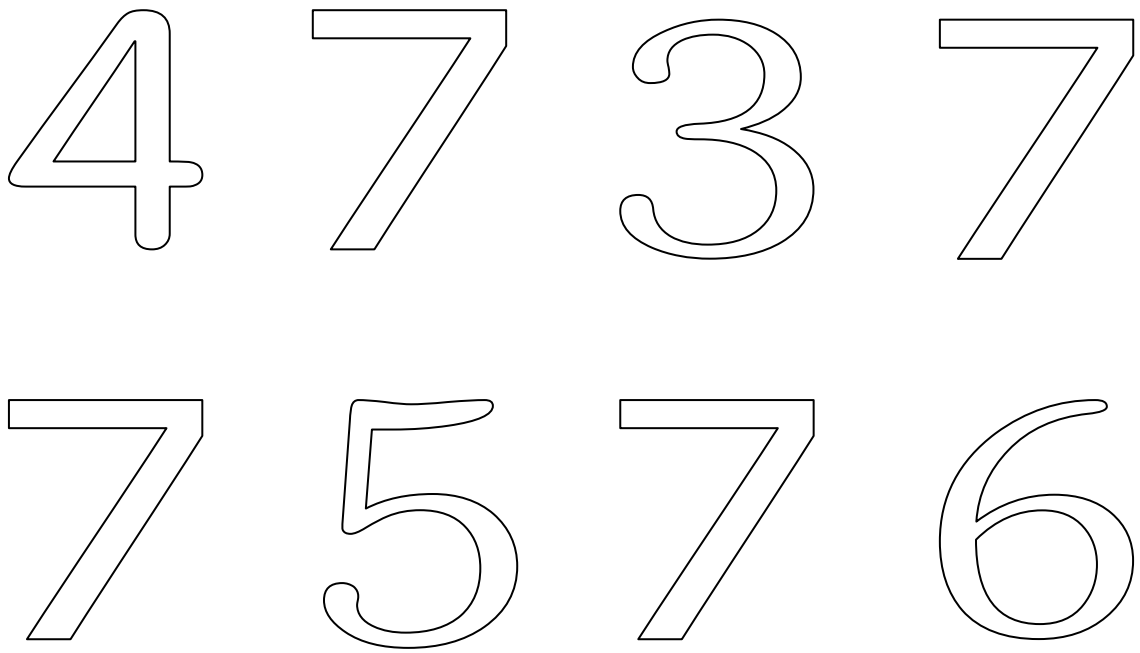

Bài học 9

I i K k

A. Tập viết

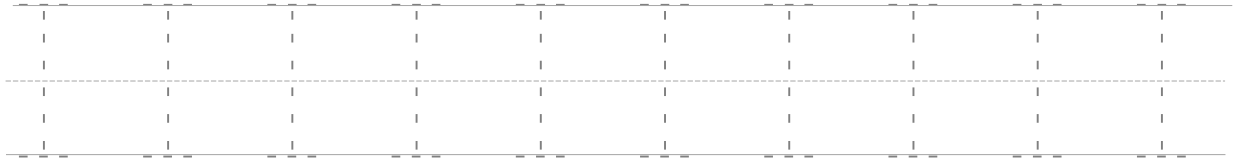

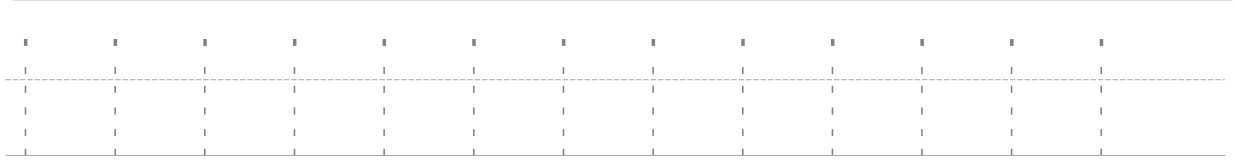

B. Tập đọc

I	Í	Ì	Ỉ	Ĩ	Ị
i	í	ì	ỉ	ĩ	ị

C. Tập viết

Í

Ì

Ỉ

ĩ

ị

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

bị

chỉ

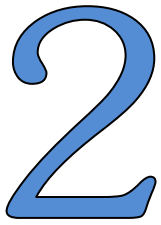

hai

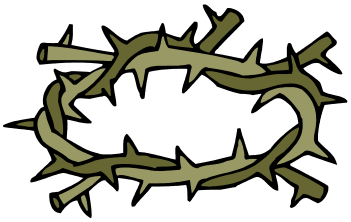

gai

chải

lái

Đ. Tập viết

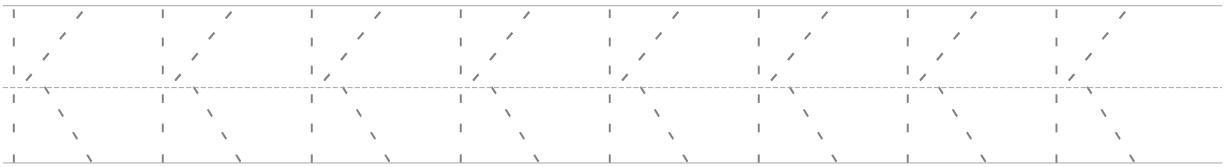

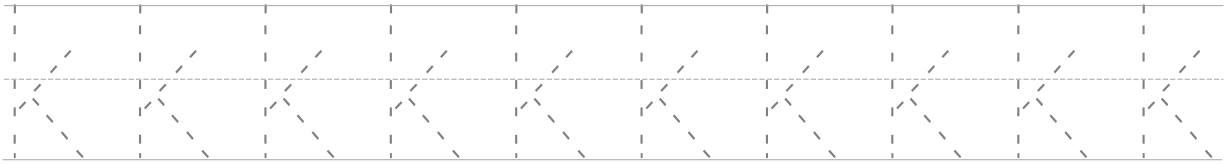

E. Tập đọc

Ki Kí Kì Kỉ Kĩ Kị

G. Tập viết

kí

kì

kỉ

kĩ

kị

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

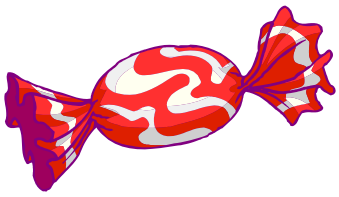

kẹo

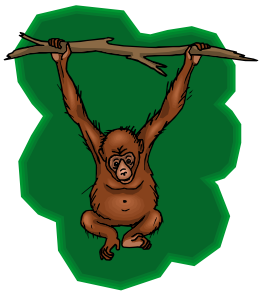

khỉ

kèn

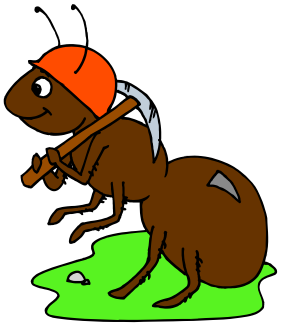

kiến

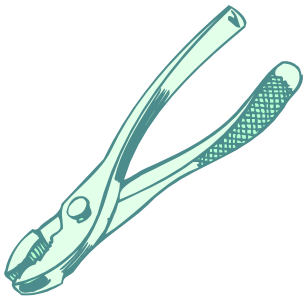

kìm

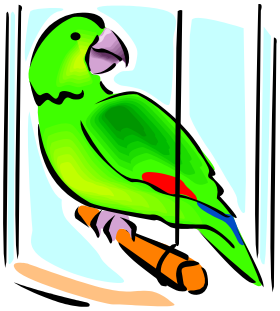

két

I. Tập viết số 8

số tám

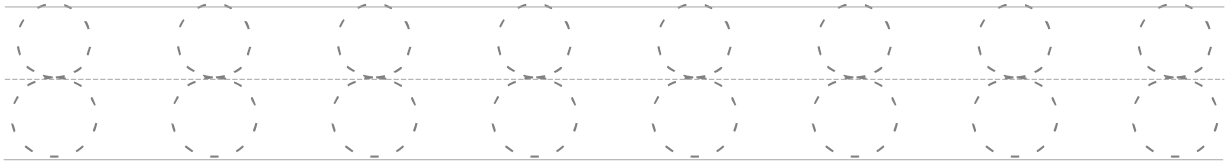

Bài học 10

L l M m

A. Tập viết

B. Tập đọc

La Lá Là lả lã lạ

C. Tập viết

lá

là

lả

lã

lạ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

lá

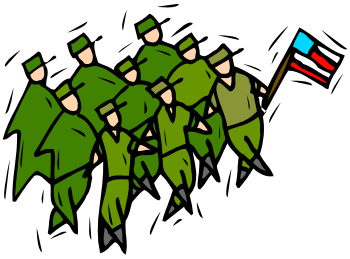

lính

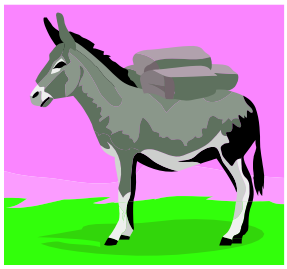

lừa

lọ

lông

lạnh

Đ. Tập viết

E. Tập đọc

Me Mé Mè

mẻ mẽ mẹ

G. Tập viết

mé

mè

mẻ

mẽ

mẹ

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

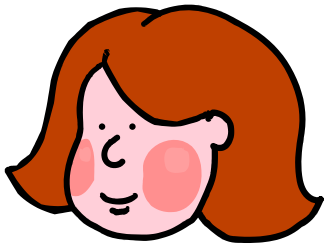

má

mắt

mũi

mặt

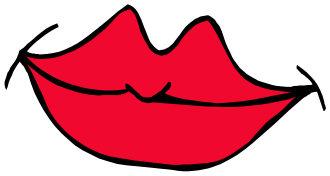

môi

mì

I. Tập viết số 9

số chín

9 9 9 9 9 9 9 9 9 9

Bài học 11

Nn Oo

A. Tập viết

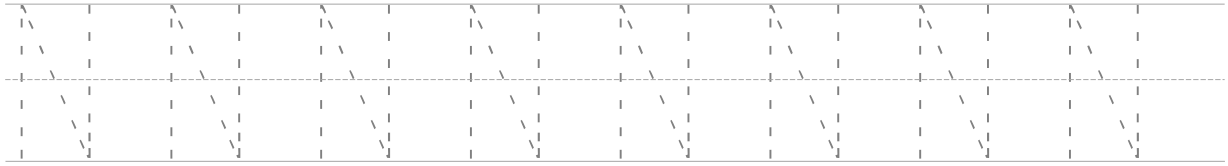

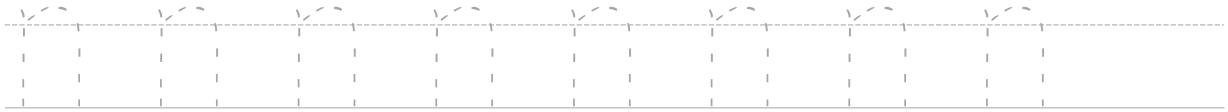

B. Tập đọc

Na Ná Nè nẻ nã nị

C. Tập viết

ná

nè

nẻ

nã

nị

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

nai

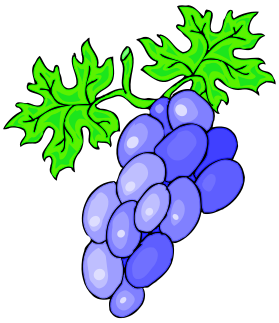

nho

nồi

ngã

nóng

nói

Đ. Tập viết

E. Tập đọc

no nó cò cỏ gõ gọ

G. Tập viết

nó

cò

cỏ

gõ

gọ

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

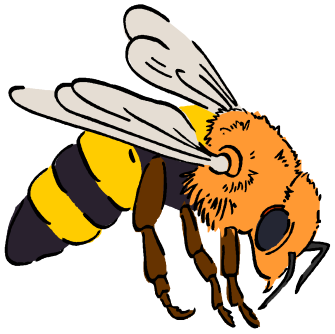

ong

cò

loa

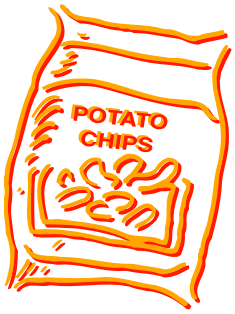

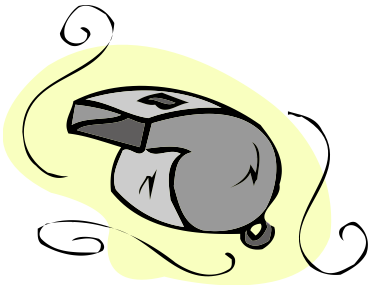

gói còi đói

I. Tập viết số 10

số mười

10 10 10 10

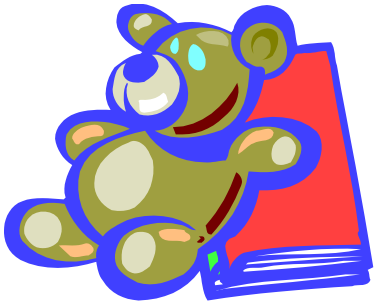

Bài học 12

Ô ô Ơ ơ

A. Tập viết

B. Tập đọc

ô ố ồ ổ ỗ ộ

Bô Bố Bồ bổ bỗ bộ

C. Tập viết

bố

bồ

bổ

bỗ

bộ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

cổ

lỗ

ôm

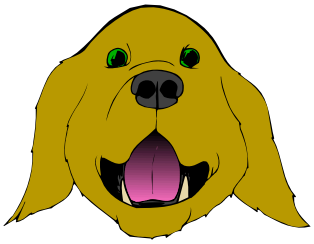

mồm

bột

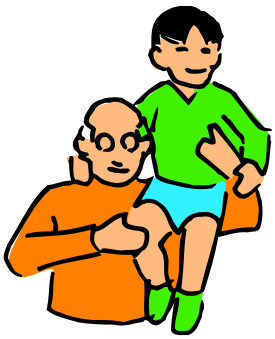

ông

Đ. Tập viết

ơ

E. Tập đọc

ơ ớ ờ ở ỡ ợ

dơ dớ dờ đở đỡ đợ

G. Tập viết

dớ

dờ

đở

đỡ

đợ

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

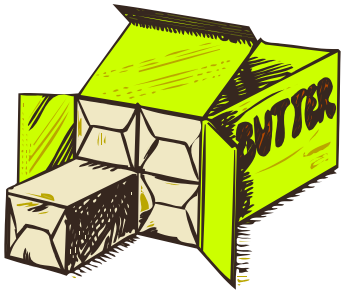

bơ

cờ

nơ

mở

chờ

trời

I. Tập viết số 11

mười một

Bài học 13

U u Ư ư

A. Tập viết

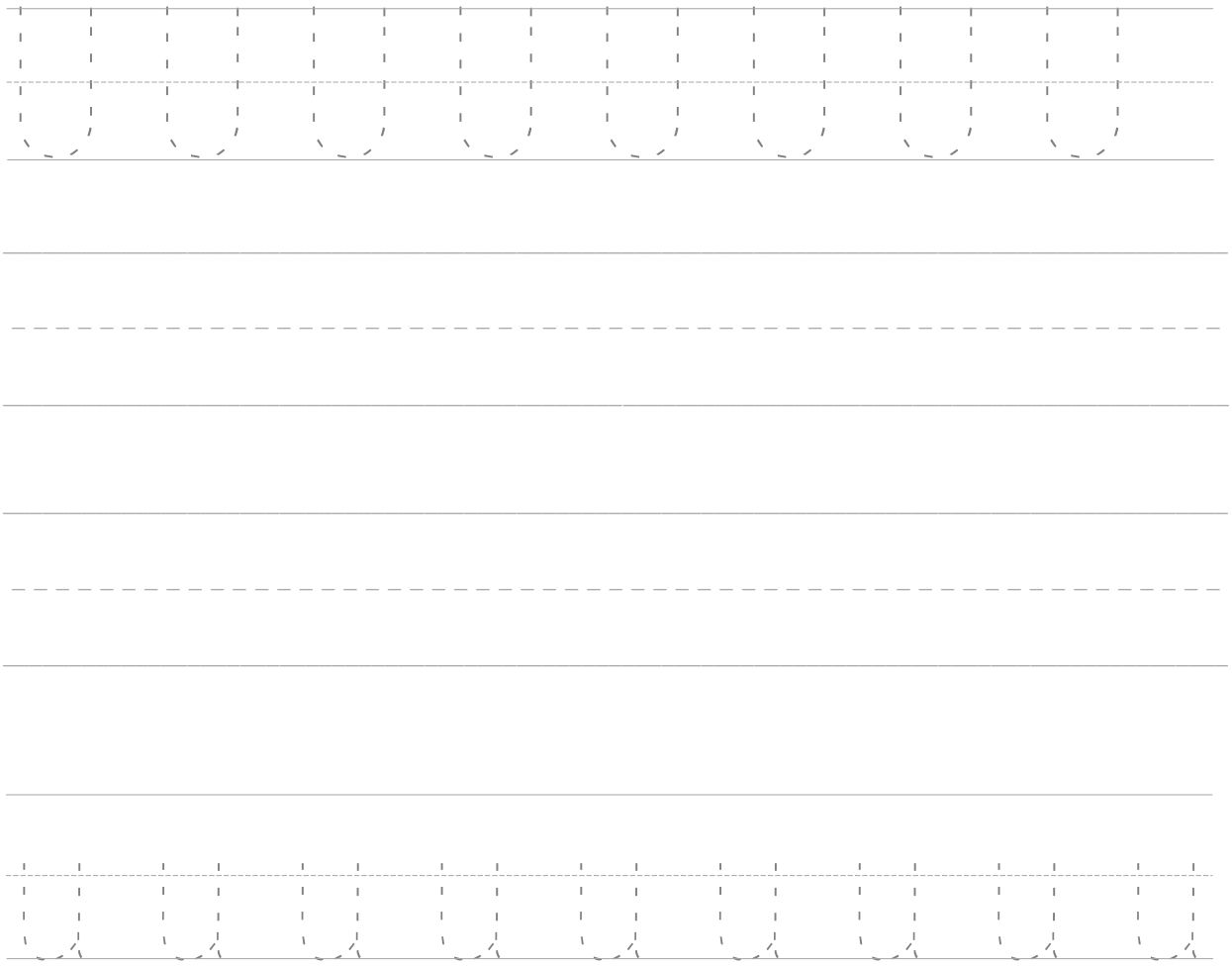

Ư

ư

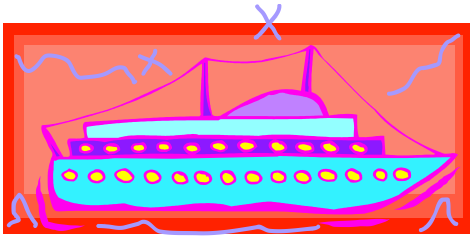

B. Tập đọc

ư ứ ừ ử ữ ự

hư hứ hừ cử cữ cự

C. Tập viết

hứ

hừ

cử

cữ

cự

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

chú

đu đủ

hũ

núi

bụng

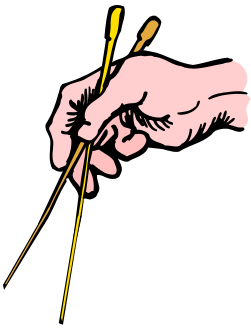

đũa

Đ. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

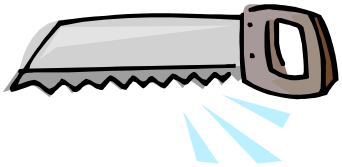

cưa

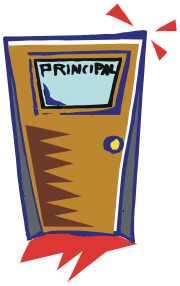

cửa

dưa

mưa

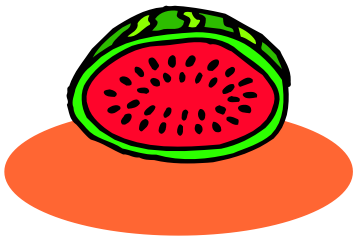

nửa

dừa

E. Tập viết số 12

mười hai

12 12 12 12

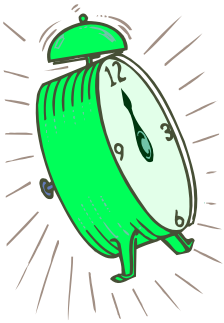

Bài học 14

Rr Ss

A. Tập viết

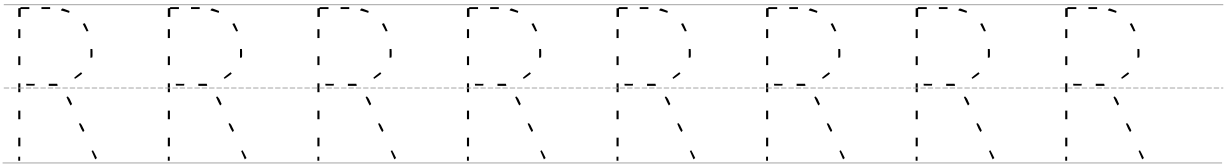

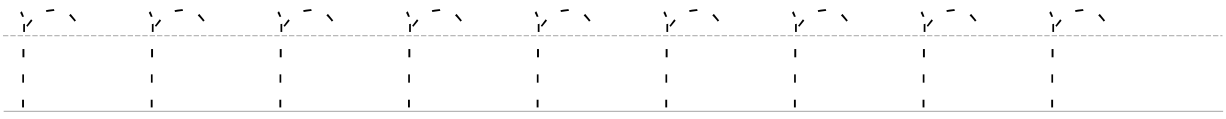

B. Tập đọc

Ra Rá Rà rẻ rẽ rẹ

Ru Rú Rù rổ rỗ rộ

C. Tập viết

rú

rù

rủ

rũ

rụ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

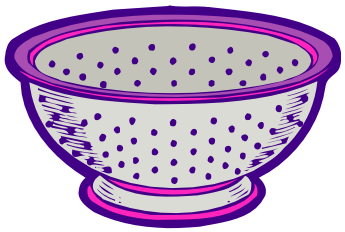

rổ

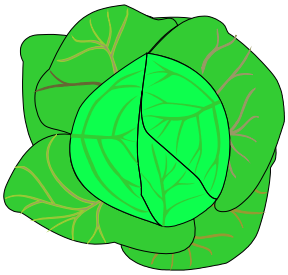

rau

râu

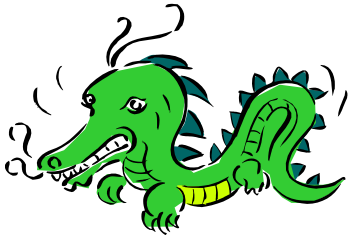

rồng

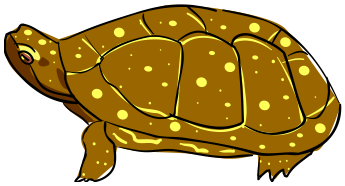

rùa

ruồi

Đ. Tập viết

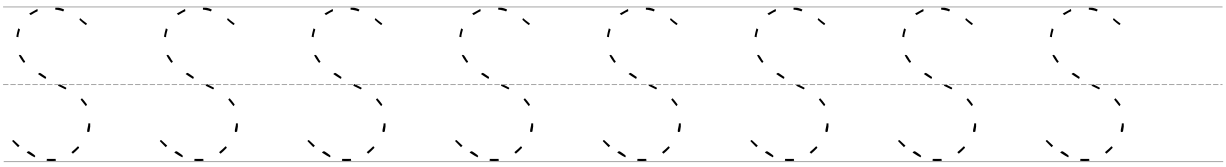

E. Tập đọc

Sa	Sá	Sà	Sả	Sã	Sạ
sô	số	sồ	sổ	sỗ	sộ

G. Tập viết

SỐ

SỒ

SỔ

SỖ

SỘ

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

_____

sao

sách

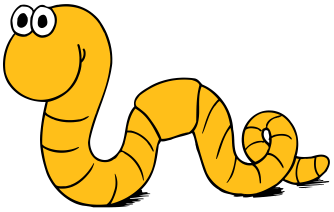

con sâu

con sóc

sữa

con sò

I. Đếm những trái táo và viết số bên cạnh

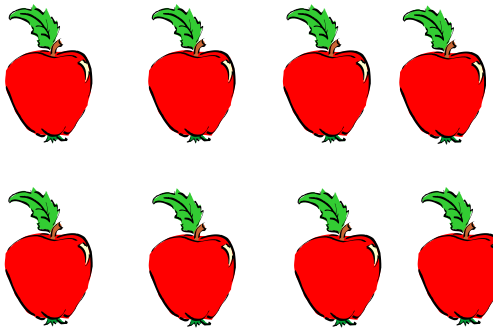

_____

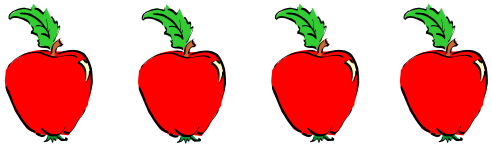

_____

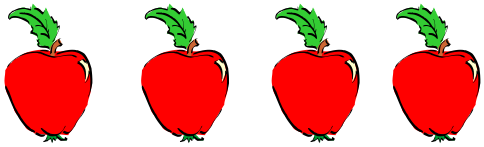

_____

_____

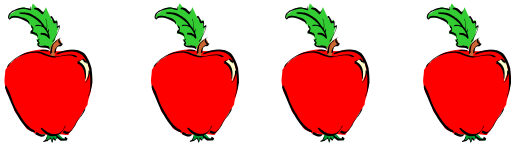

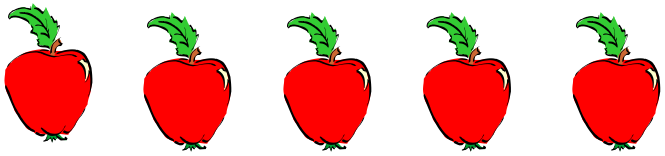

_____

Bài học 15

T t V v

A. Tập viết

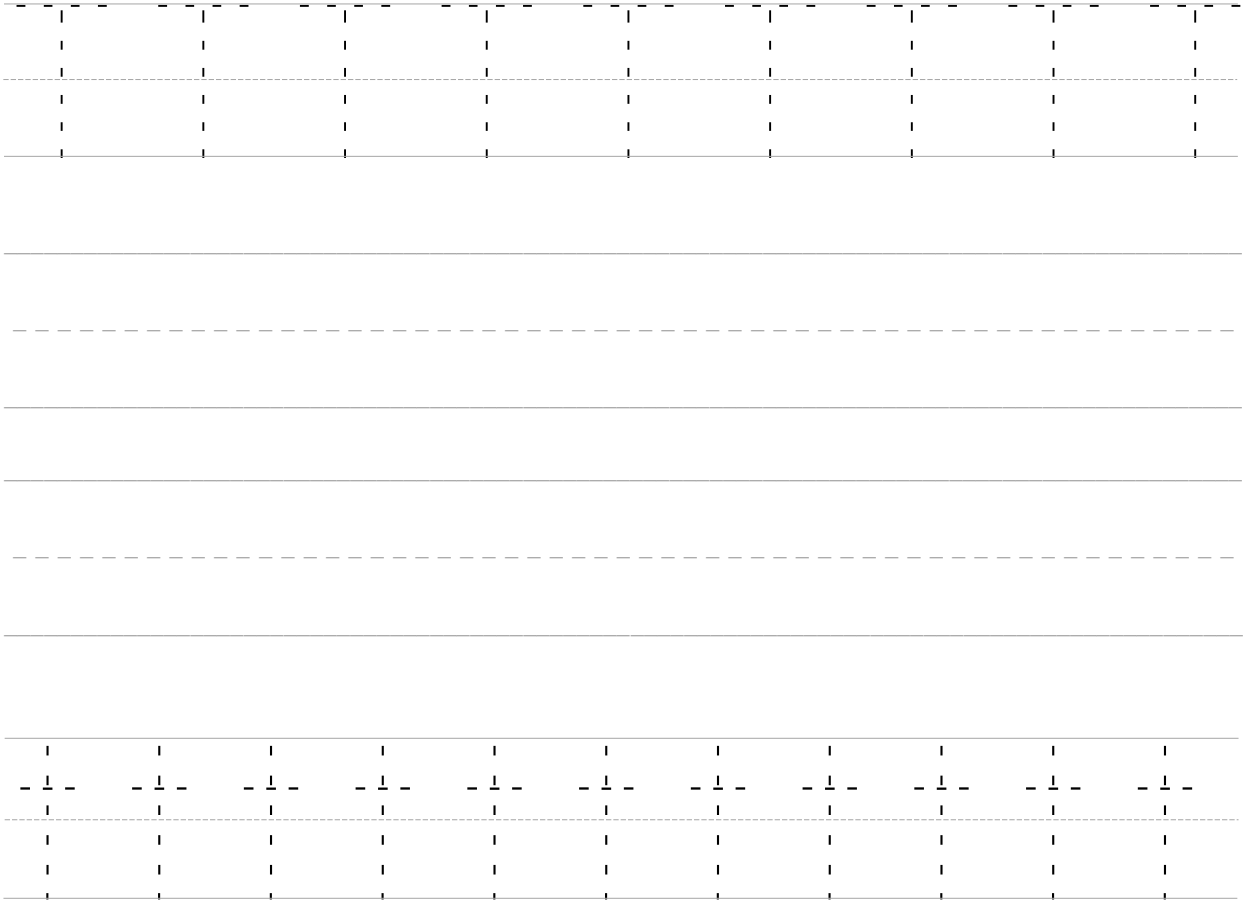

B. Tập đọc

Tơ Tớ Tờ Tở Tỡ Tợ

Tư Tứ Từ Tử Tữ Tự

C. Tập viết

tớ

tờ

tả

tã

tạ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

tã

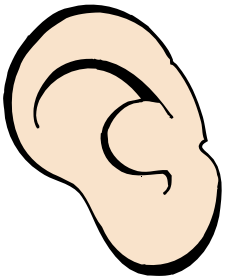

tai

tay

tim

tàu

tủ

Đ. Tập viết

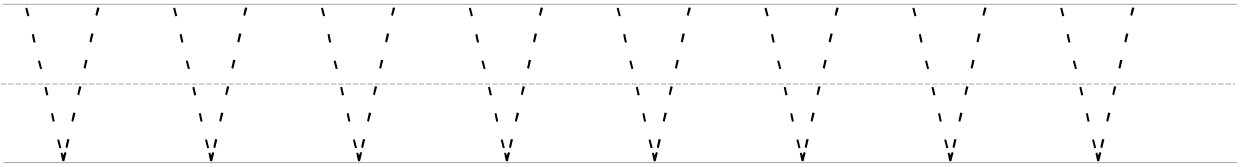

E. Tập đọc

Vi Ví Vì Vỉ Vĩ Vị

Ve Vé Vè Vẻ Vẽ Vẹ

G. Tập viết

ví

vì

vỉ

vỗ

vộ

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

va li

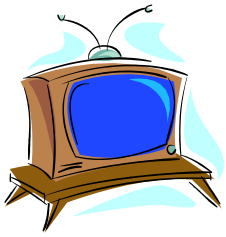

ti vi

vai

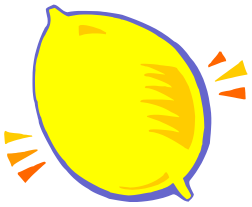

màu vàng

vịt

vẽ

I. Đếm những thú vật và viết số bên cạnh

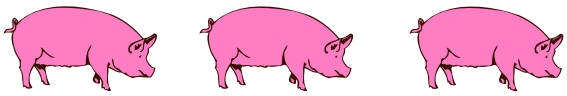

_____

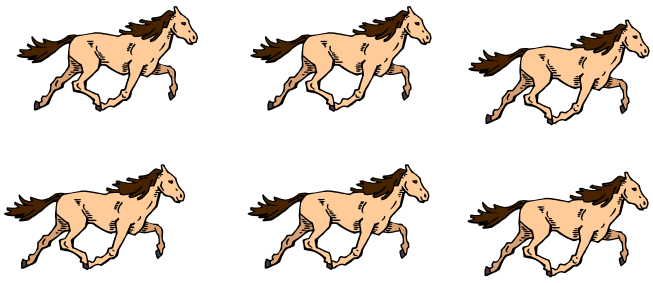

_____

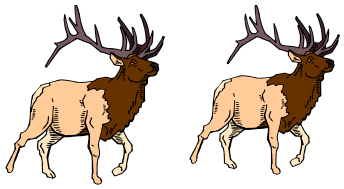

_____

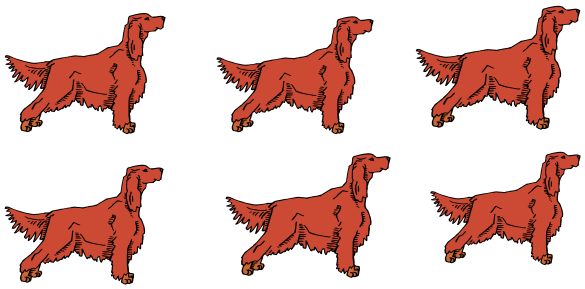

_____

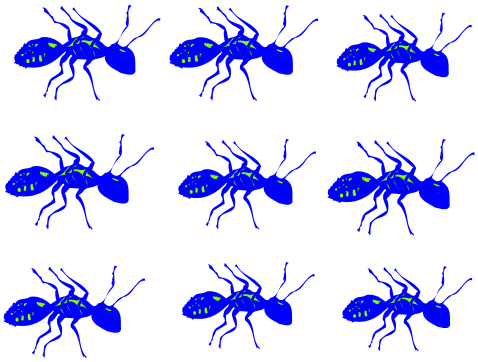

_____

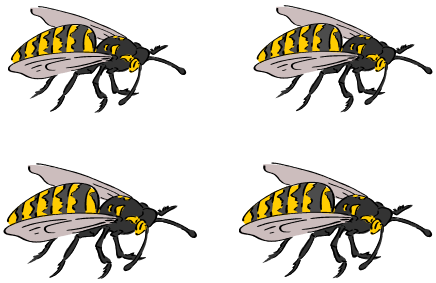

_____

Bài học 16

P p ph

A. Tập viết

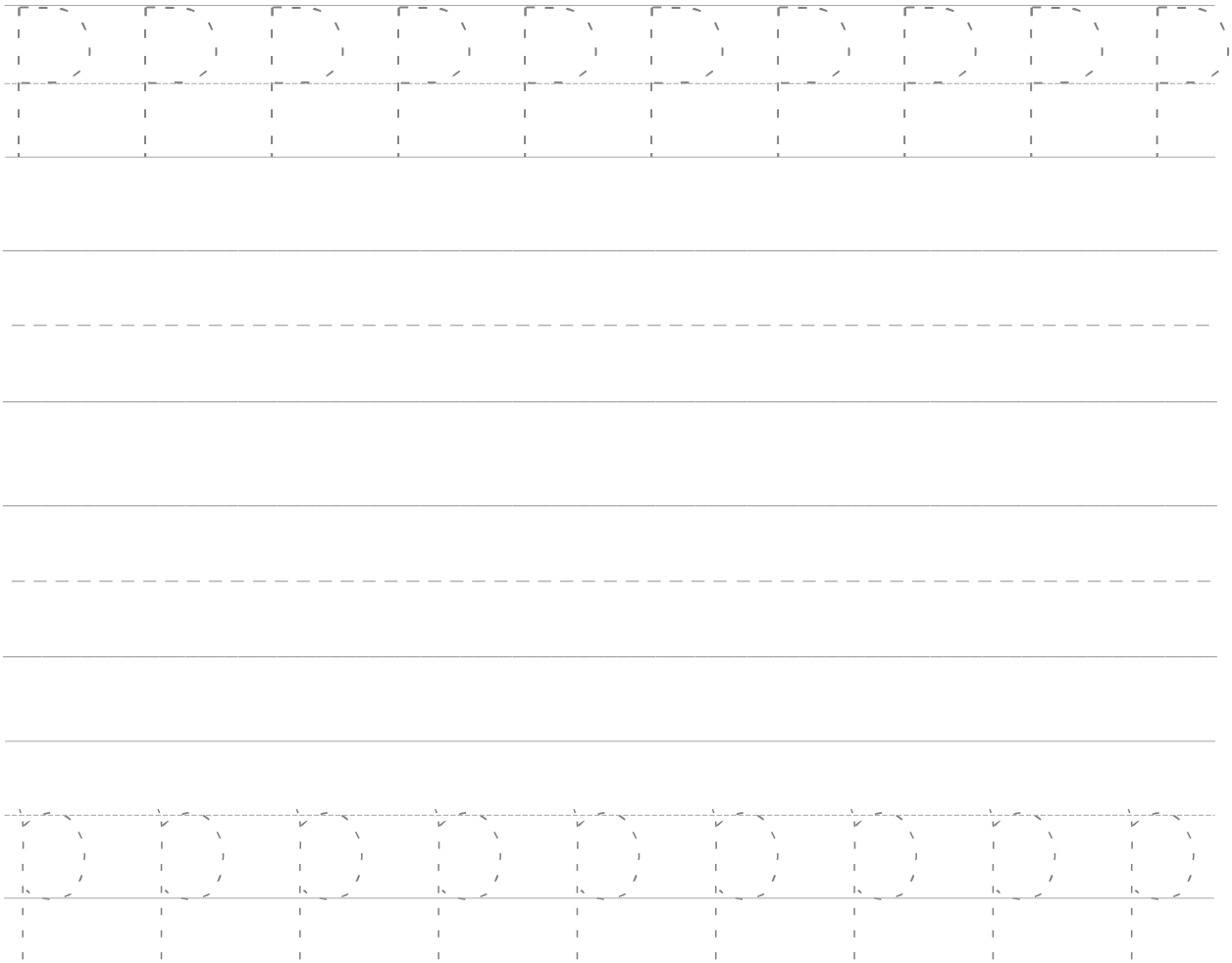

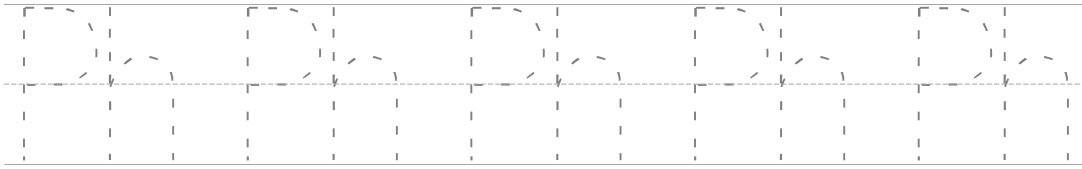

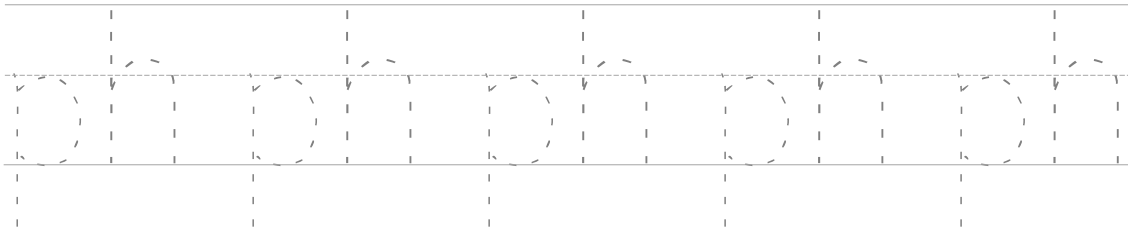

B. Tập đọc

Pha	Phá	Phà	Phả
Phế	Phệ	Phủ	Phụ
phe	phè	phố	phổ
phi	phí	phì	phị

C. Tập viết

phá

phà

phả

phụ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

phở

pháo

phao

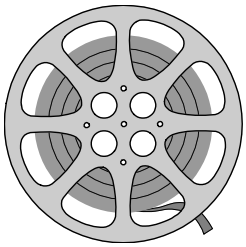

phim

phấn

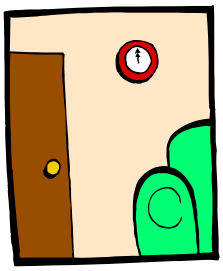

phòng

Đ. Tập viết

Q q qu

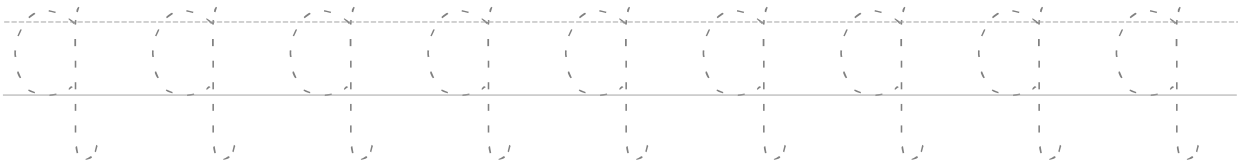

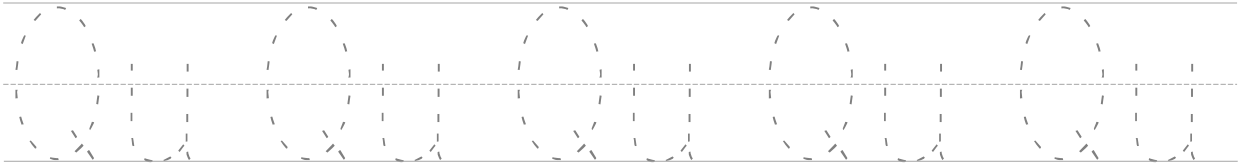

qu qu qu qu qu qu

E. Tập đọc

Qua Quá Quà Quả

Quạ Que Què Quẻ

G. Tập viết

què

quà

quả

quạ

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

quả cam

quà

quạ

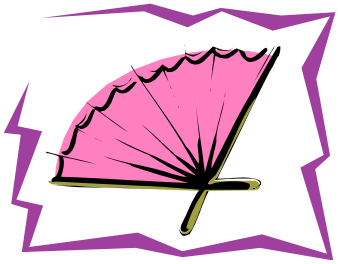

quạt

quẹt

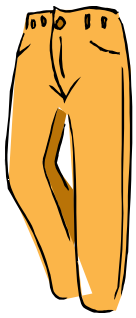

quần

I. Đếm những con cá và viết số bên cạnh

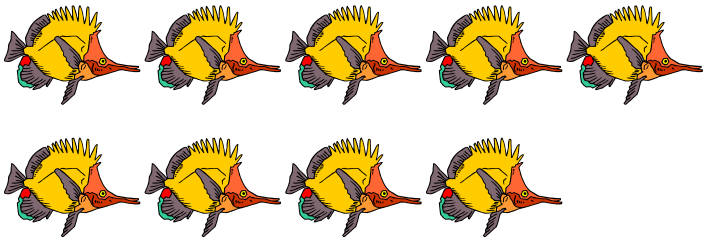

_____

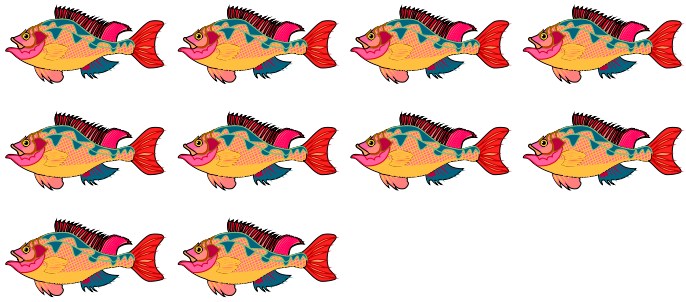

_____

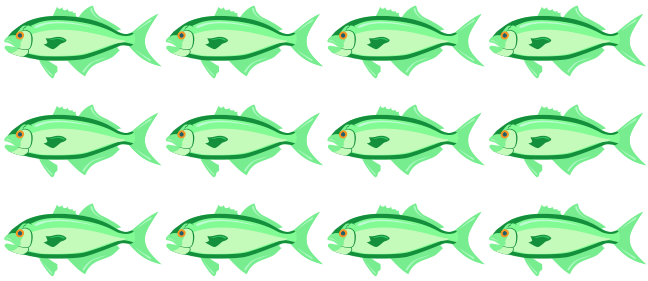

_____

Bài học 17

Ă ă Â â

A. Tập viết

Ă

ă

Â

â

B. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

mắt

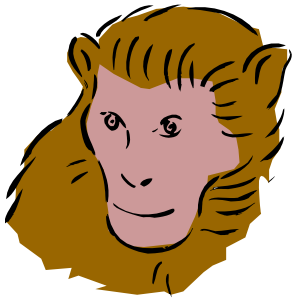

mặt

rắn

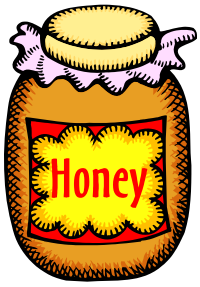

mật ong

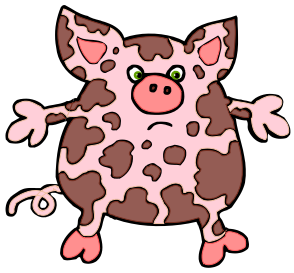

bẩn

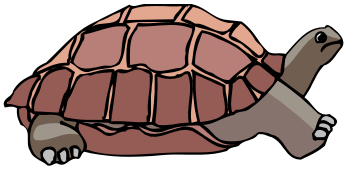

chậm

C. Tập viết

mắt

mặt

mất

mật

bẩn

D. Đếm những đồ chơi và viết số bên cạnh

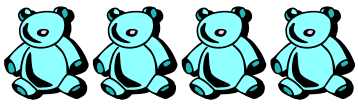

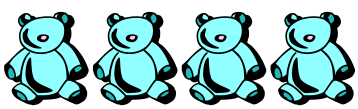

_____

_____

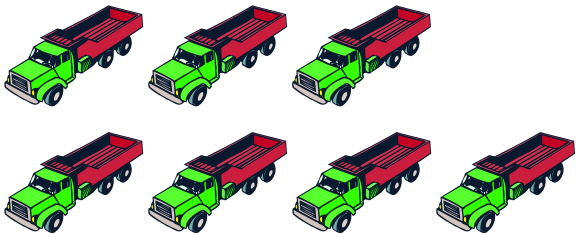

_____

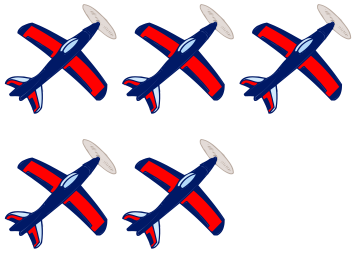

_____

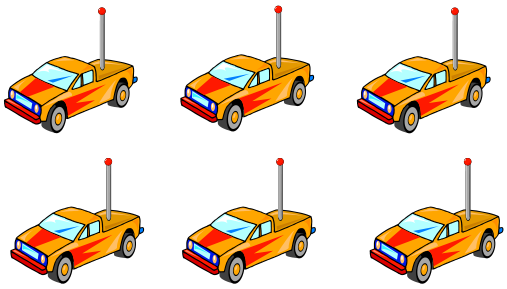

_____

Bài học 18

X x Y y

A. Tập viết

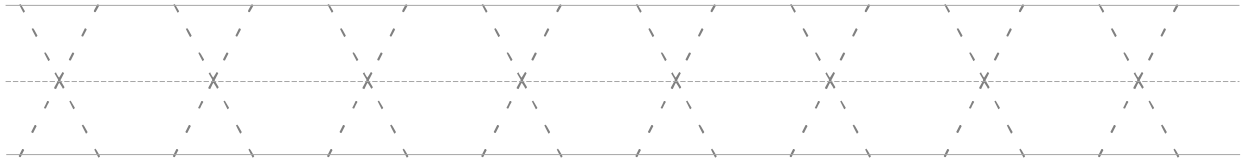

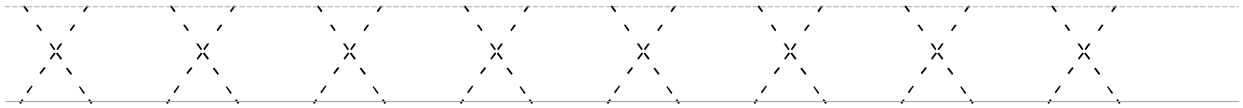

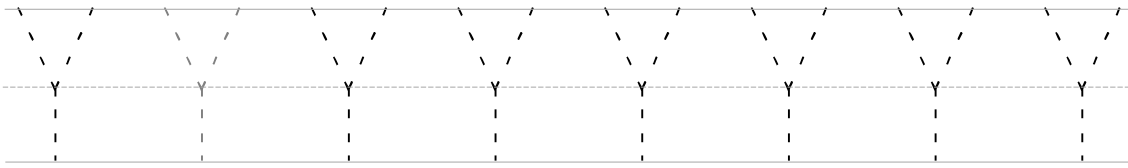

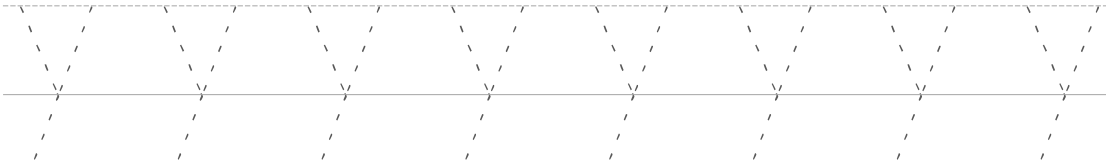

B. Tập đọc

Xa Xá Xà Xả Xã Xạ

Xe Xé Xẻ Xỉ Xị

xô xổ xơ xờ xo xó

xu xù xử xứ

ký kỳ kỷ kỹ kỵ

Ly Lý Mỹ Mỵ

quy quý quỷ quỹ

C. Tập viết

xá

xà

xả

xã

xạ

ký

kỳ

kỷ

kỹ

kỵ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:

xà bông

xe đạp

xoài

xôi

ly

Mỹ

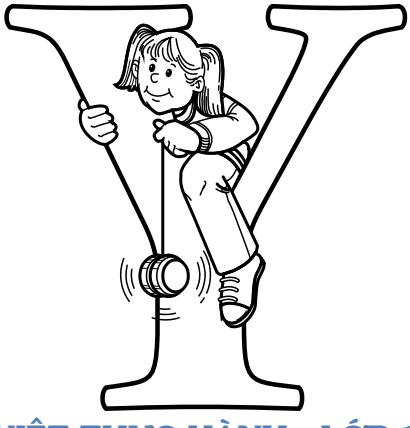

E. Đếm đồ chơi và viết số bên dưới

_____

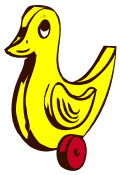 _____

_____

_____

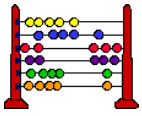 _____

_____

CHINA
HANOI
MY SON
HALONG BAY
NINH BINH
GOLF OF TON KIN
LAOS
PHONG NHA
HUE
DA NANG
HOI AN
THAILAND
VIETNAM
CAMBODIA
Saigon
MEKONG DELTA